

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**



NGUYỄN ĐỨC QUYỀN

**YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP
VÀ ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

**CHUYÊN NGÀNH:
MÃ SỐ:**

**KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
9 62 01 15**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lê Đức Niêm

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Đắk Lắk, năm 2024

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Theo số liệu thống kê cho thấy, ở Việt Nam có gần 68,3% dân số sống ở khu vực nông thôn (GSO, 2022a), lực lượng lao động chủ yếu vẫn tập trung ở khu vực nông thôn chiếm 62,84% (GSO, 2022b). Thời gian qua, nông nghiệp nước ta phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, lĩnh vực nông nghiệp có nhiều đóng góp quan trọng trong tiến trình đổi mới và cải cách kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, đóng góp quan trọng vào cán cân thương mại của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm và thủy sản có xu hướng tăng và kim ngạch trung bình giai đoạn 2016-2020 đạt 38,204 tỷ USD (Tổng cục thống kê, 2021). Với tỷ trọng lớn nông sản được sản xuất ra từ quy mô hộ gia đình, kinh tế hộ được xem là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng phát triển nông nghiệp ở Việt Nam. Với xu hướng mở cửa, hộ gia đình không còn là hộ sản xuất tự cung, tự cấp mà theo định hướng hàng hóa. Sự hội nhập của Việt Nam sẽ khiến ngành nông nghiệp chịu nhiều tác động mạnh mẽ như vậy kinh tế hộ sẽ tất yếu bị tác động, gắn liền với các tác động này sẽ là cơ hội mới được mở ra cho các nông hộ.

Chủ trương của Đảng, Nhà nước phát triển Kinh tế - Xã hội phải đồng bộ giữa các tỉnh, vùng và miền. Những địa phương có nhiều bất lợi về đặc điểm địa hình, đặc tính canh tác, vùng, miền,... dẫn tới thiệt thòi trong các lợi thế tuyệt đối càng phải được sự quan tâm, chú trọng của Nhà nước và các chính quyền địa phương nhiều hơn. Tỉnh Đắk Lắk bao gồm Thành phố Buôn Ma Thuột, Thị xã Buôn Hồ và 13 huyện, kinh tế tỉnh Đắk Lắk năm 2022 đạt 58.182 tỷ đồng, tăng 8,48% so với năm 2021 và thu nhập bình quân đầu người đạt 38,856 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo là 10,84%. Cơ cấu kinh tế ngành nông lâm nghiệp là 37,22%, ngành công nghiệp và xây dựng là 16,20%, ngành thương mại và dịch vụ là 42,27%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm là 4,31%/năm (Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2023). Nhìn chung sản xuất nông, lâm nghiệp có bước phát triển, giữ vai trò quan trọng và chủ yếu trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị của tỉnh. Mặc dù những năm qua, tỉnh Đắk Lắk đã có nhiều biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và mức sống nông hộ, song những thành tựu mang lại còn rất chậm so với tiềm năng hiện có (Báo cáo hội nông dân tỉnh Đắk Lắk, 2023). Về phía nông hộ, rất dễ bị tổn thương bởi sự tác động của các yếu tố có tính chất quy luật của nền kinh tế thị trường và các yếu tố bất lợi khác từ biến đổi khí hậu như dịch bệnh, hạn hán, mưa lũ,... thất thu gia tăng, tình trạng tiếp cận giáo dục, đào tạo thấp, nguồn vật lực, tài lực còn nhiều khó khăn. Tất cả những điều đó sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng thu nhập và chiến lược lựa chọn đa dạng hóa thu nhập của nông hộ.

Ở các nước phát triển đa dạng hóa thu nhập nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và trở thành một hiện tượng phổ biến như một chiến lược lựa chọn sinh kế của nông hộ. Có một số nguyên nhân cho các nông hộ đa dạng hóa thu nhập như giảm thiểu rủi ro và đối phó với sự mất ổn định của nguồn thu nhập (Ellis, 1998; Ellis, 2000; Barrett *et al.*, 2001; Schwarze, 2004), thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng (Schwarze, 2004; Nghiem, 2010; Khai and Danh, 2014), đa dạng hóa hướng tới những hoạt động phi nông nghiệp (Ellis, 1998; Ellis, 2000; Barrett and Reardon, 2001; Barrett *et al.*, 2001; Lanjouw and Feder, 2001; Davis and Bezemer, 2003). Thông thường các hộ gia đình thường tìm cách phân phối lại nguồn lực sản

xuất cho nhiều hoạt động để tránh rủi ro hoặc thiệt hại liên quan đến thu nhập chính của hộ. Một số hộ ở vùng hẻo lánh, chi phí mua bán hàng hóa có thể rất cao, đa dạng hóa thu nhập là một chiến lược nhằm thỏa mãn nhu cầu hàng hóa cho gia đình cũng như cộng đồng. Ngoài ra, trong điều kiện hạn chế về thị trường hoặc nguồn lực, hộ gia đình có động cơ đa dạng hóa để đạt mức lợi tức nhằm thỏa mãn những nhu cầu cơ bản (Ellis, 1998; Ellis, 2000; Barrett *et al.*, 2001). Với những lý do trên đa dạng hóa nguồn thu nhập của nông hộ đã trở thành một chủ đề quan trọng được các nhà kinh tế phát triển và các nhà hoạch định chính sách chú ý. Ngoài ra, đối với địa bàn nghiên cứu, đa dạng hóa nguồn thu nhập có mối quan hệ với rủi ro thu nhập của nông hộ không? nếu có thì mối quan hệ đó làm tăng hay giảm thiểu rủi ro thu nhập của nông hộ? Vì vậy, cần có nghiên cứu thực nghiệm và sử dụng mô hình kinh tế lượng với bộ số liệu bảng có thời gian dài. Tác giả cho rằng tính đến thời điểm hiện tại vẫn còn khoảng trống để luận án tiếp tục nghiên cứu và trả lời các câu hỏi trên.

Nghiên cứu tổng quan cho thấy yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, đã thu hút nhiều nghiên cứu thực nghiệm ở trong và ngoài nước. Các nghiên cứu trước đây sử dụng dữ liệu chéo và có thời gian ngắn hoặc dữ liệu khảo sát tại một thời điểm với giả định quan hệ một chiều cho trước rằng “*đa dạng hóa quyết định thu nhập*” hoặc ngược lại (Yang, 2004; Illukpitiya and Yanagida, 2008; Klasena *et al.*, 2013; Khai and Danh, 2014; Ha and Trung, 2019). Đối với địa bàn tỉnh Đắk Lắk việc sử dụng bộ dữ liệu bảng có thời gian dài để xác định mối quan hệ hai chiều giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập, nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập và yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Đến thời điểm hiện tại tác giả nhận thấy vẫn còn khoảng trống và tính mới để luận án tiếp tục nghiên cứu.

Vì vậy, tìm kiếm giải pháp khoa học nhằm nâng cao thu nhập thông qua cải thiện chiến lược đa dạng hóa thu nhập có thể là một cách tiếp cận hiệu quả và phù hợp với nông hộ tỉnh Đắk Lắk. Xuất phát từ các vấn đề nêu trên, việc nghiên cứu đề tài “*Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*” có ý nghĩa rất lớn về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của luận án là nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Bên cạnh mục tiêu chung, luận án hướng tới các mục tiêu cụ thể sau:

- Hệ thống hoá và làm sáng tỏ cơ sở lý luận, thực tiễn, mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập, yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ;

- Phân tích mối quan hệ nhân quả giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Phân tích yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện thu nhập thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt mục tiêu nghiên cứu trên, nghiên cứu của luận án sẽ tập trung trả lời các câu hỏi sau đây:

1. Về mặt cơ sở lý luận và thực tiễn, mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập, yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ xác định như thế nào ?
2. Xác định mối quan hệ giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như thế nào ?
3. Xác định yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như thế nào ?
4. Xác định những yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như thế nào ?
5. Cần thực hiện những khuyến nghị chính sách như thế nào nhằm cải thiện thu nhập thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án: Mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Đối tượng khảo sát: Các nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu: Luận án nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, Kinh tế - Xã hội tỉnh Đắk Lắk, Luận án nghiên cứu và tập trung xác định mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Với các nội dung nghiên cứu trên, luận án dựa trên cơ sở đề xuất khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện thu nhập thông qua việc lựa chọn chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Phạm vi không gian: Thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Phạm vi thời gian: Sử dụng bộ số liệu bảng của tổ chức TVSEP (Thailand Vietnam Socio Economic Panel - TVSEP) năm 2007, 2008, 2010, 2013, 2016 và 2017.

Số liệu thứ cấp: Số liệu thứ cấp được thu thập từ năm 2016-2022.

Thời gian thực hiện luận án: Từ năm 2020 đến năm 2023.

Thời gian đề xuất khuyến nghị chính sách đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

5. Đóng góp mới của luận án

Việc nghiên cứu luận án sẽ có những đóng góp cũng như một số điểm mới sau:

i) *Về lý luận*, luận án đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn về thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Luận án cũng đã làm rõ mối quan hệ nhân quả thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ khi sử dụng dữ liệu bảng có thời gian dài.

ii) *Về phương pháp*

Thứ nhất, luận án sử dụng các phương pháp phân tích định tính và định lượng đối với dữ liệu bảng TVSEP có thời gian dài. Nghiên cứu xây dựng được quy trình phân tích mối quan hệ nhân quả thu nhập với các chỉ số đa dạng hóa thu nhập của nông hộ và quy trình ước

lượng lựa chọn mô hình tối ưu yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khi sử dụng dữ liệu bảng. Ngoài ra, trong lĩnh vực nông nghiệp, luận án còn áp dụng một phương pháp mới đáng chú ý để kiểm định mối quan hệ nhân quả khi sử dụng dữ liệu bảng mà các nghiên cứu trước đây đã bỏ qua. Phương pháp này đòi hỏi việc kiểm tra sự phụ thuộc chéo trong dữ liệu, cũng như kiểm tra tính dừng của các biến đối với dữ liệu bảng.

Thứ hai, luận án sử dụng dữ liệu bảng TVSEP để xác định chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở 3 cấp độ và đưa cả 3 cấp độ này vào nghiên cứu ảnh hưởng đến thu nhập và rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thứ ba, luận án xây dựng được khung phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk khi sử dụng dữ liệu bảng TVSEP có thời gian dài.

iii) Về thực tiễn

Thứ nhất, luận án cho thấy chỉ số đa dạng hóa thu nhập trong nội ngành cấp 4 (HID4) và chỉ số đa dạng hóa thu nhập liên ngành cấp 2 (HID2) theo hướng phi nông nghiệp làm tăng thu nhập nông hộ là (0,005%) và (0,015%). Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật (Khả năng học hỏi hay bắt chước của nông hộ) làm tăng thu nhập của nông hộ là 0,042%. Ngoài ra, các yếu tố khác cũng làm tăng/giảm thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thứ hai, luận án còn cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ giữa đa dạng hóa thu nhập với rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Nghiên cứu còn cho thấy nông hộ đa dạng hóa thu nhập trong nội ngành cấp 4 (HID4) và chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập liên ngành cấp 2 (HID2) theo hướng phi nông nghiệp làm giảm thiểu rủi ro thu nhập của nông hộ là (0,0436%) và (0,0558%).

Thứ ba, luận án cho thấy các yếu tố thuộc các nhóm (Vốn con người, vốn tài chính, vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn xã hội) tác động đến chiến lược lựa chọn đa dạng hóa thu nhập trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thứ tư, luận án cung cấp thêm dẫn liệu, thông tin khoa học về mối quan hệ, các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, rủi ro thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được xác định cụ thể bằng các mô hình kinh tế lượng thông qua bộ dữ liệu bảng có thời gian dài. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cũng đề xuất được các khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện thu nhập của nông hộ thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Kết cấu luận án

Luận án ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, luận án gồm 5 chương cụ thể cấu trúc các chương như sau:

Chương 1: Tổng quan tài liệu nghiên cứu.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương 4: Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Chương 5: Khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện thu nhập thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại nông hộ

1.1.1.1. Khái niệm nông hộ

1.1.1.2. Đặc điểm nông hộ

1.1.1.3. Phân loại nông hộ

1.1.2. Khái niệm thu nhập và phân loại thu nhập nông hộ

1.1.2.1. Khái niệm thu nhập nông hộ

1.1.2.2. Phân loại thu nhập nông hộ

1.1.3. Lý thuyết về rủi ro thu nhập nông hộ

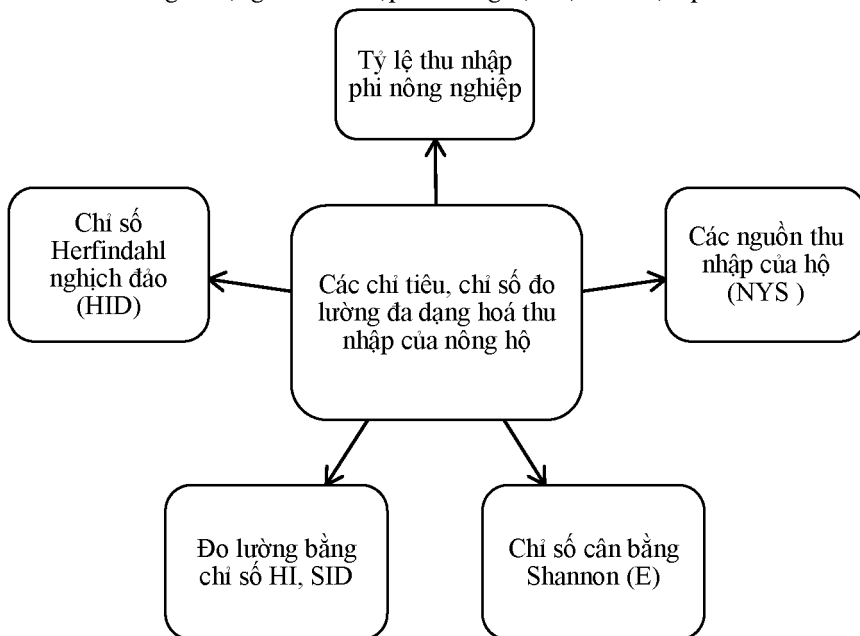
1.1.4. Đa dạng hóa thu nhập của nông hộ

1.1.4.1. Khái niệm đa dạng hóa thu nhập của nông hộ

1.1.4.2. Vai trò đa dạng hóa thu nhập của nông hộ

1.1.4.3. Các chỉ tiêu, chỉ số đo lường đa dạng hoá thu nhập của nông hộ

Chỉ tiêu, chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập được đo lường bằng nhiều phương pháp khác nhau. Tuy nhiên, mỗi phương pháp lại có những ưu điểm và hạn chế riêng. Các chỉ tiêu, chỉ số để đo lường đa dạng hoá thu nhập của nông hộ được thể hiện qua sơ đồ như sau:



Sơ đồ 1.1. Các chỉ tiêu, chỉ số đo lường đa dạng hoá thu nhập của nông hộ

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ (Reardon, 1997; Davis, 2003; Ersado, 2003; Khai and Danh, 2014; Chuong et al., 2015).

Các nghiên cứu trước đây đánh giá chỉ số đa dạng hóa sinh kế coi đó là một biến số duy nhất. Tuy nhiên, chỉ số này có thể được thay đổi khi tính toán bằng cách sử dụng các thông số kỹ thuật cấp độ khác nhau so với phân loại ngành. Ví dụ, thêm cả phê hoặc hạt tiêu vào danh mục sản

xuất hộ gia đình sẽ không làm thay đổi chỉ số đa dạng hóa sinh kế khi được tính toán bằng cách sử dụng mức tiêu chuẩn ngành của tiêu chuẩn phân loại ngành của Việt Nam (Standard Industry Classification - SIC) (mức 2 chữ số). Tuy nhiên, chỉ số sẽ thay đổi khi ước tính từ ngành của SIC (mức 4 chữ số). Có thể xây dựng các công thức để tính toán các chỉ số đa dạng hóa dựa trên các thông số kỹ thuật cấp độ chữ số cụ thể của SIC phản ánh các chiến lược đa dạng hóa sinh kế khác nhau. Trên cơ sở đó, trong nghiên cứu này, nghiên cứu giới thiệu ba chỉ số đa dạng hóa thu nhập và sử dụng chúng như là các chỉ số đại diện cho các chiến lược đa dạng hóa sinh kế dựa trên SIC của Việt Nam. Luận án biểu thị các chỉ số này ở các mức 2 chữ số, 3 chữ số và 4 chữ số lần lượt là HID2, HID3 và HID4. HID4 có tính đặc thù, phản ánh chiến lược đa dạng hóa thu nhập trong một ngành; HID3 cụ thể hóa chiến lược đa dạng hóa thu nhập nội ngành nông nghiệp và HID2 thể hiện chiến lược đa dạng hóa thu nhập liên ngành dựa trên các hoạt động phi nông nghiệp. Như vậy, từ việc nghiên cứu các chỉ tiêu đo lường đa dạng hóa thu nhập, trong nghiên cứu này luận án sử dụng 3 chỉ số để đo lường về đa dạng hóa thu nhập của nông hộ.

1.1.5. *Mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ*

1.1.6. *Yếu tố ảnh hưởng thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ*

1.1.6.1. *Yếu tố ảnh hưởng thu nhập của nông hộ*

Trong nghiên cứu này các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, quy mô hộ, lao động nông nghiệp, lao động làm thuê nông nghiệp - phi nông nghiệp, lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, quy mô vốn vay ngân hàng chính thức, giá trị tài sản, tiếp cận công nghệ, tổ chức đoàn thể, hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật (Khả năng học hỏi của nông hộ) và các chỉ số đa dạng hóa thu nhập của nông hộ.

1.1.6.2. *Yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ*

a. Yếu tố ảnh hưởng tính đa dạng thu nhập của nông hộ trong các nhân tố đẩy và nhân tố kéo

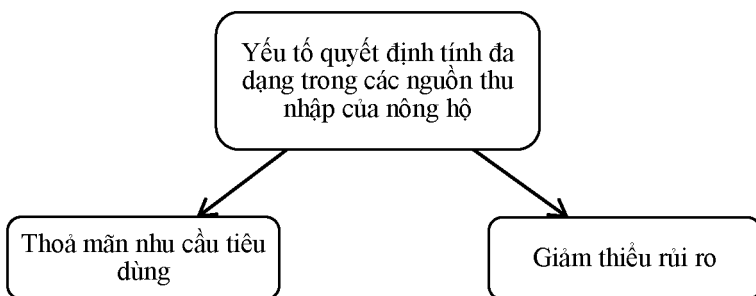


Sơ đồ 1.2. *Yếu tố ảnh hưởng tính đa dạng thu nhập của nông hộ trong các nhân tố đẩy/kéo*

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ (Barrett et al., 2001; Schwarze, 2004; Khai and Danh, 2014).

b. *Yếu tố quyết định tính đa dạng trong các nguồn thu nhập của nông hộ*

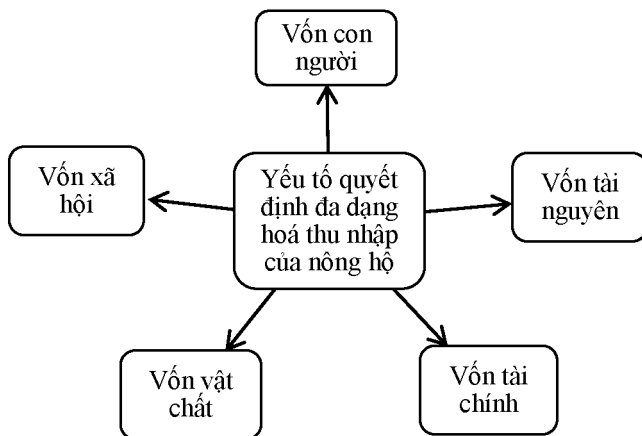
Có rất nhiều nghiên cứu cho thấy yếu tố quyết định tính đa dạng trong các nguồn thu nhập của nông hộ thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.3. Yếu tố quyết định tính đa dạng trong các nguồn thu nhập của nông hộ

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ (Ellis, 2000; Barrett et al., 2001; Minot et al., 2006).

c. Yếu tố quyết định đa dạng hoá thu nhập trong tài sản của nông hộ



Sơ đồ 1.4. Yếu tố quyết định đa dạng hoá thu nhập trong tài sản của nông hộ

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ (Abdulai and CroleRees, 2001; Minot et al., 2006; Reardon et al., 2007; Chuong et al., 2015).

Cũng như nhiều nghiên cứu về đa dạng hóa thu nhập trong và ngoài nước, lý thuyết khung sinh kế bền vững được xem là lý thuyết nền tảng của nghiên cứu (Reardon et al., 2007).

Tóm lại, trong nghiên cứu này các yếu tố được xác định ảnh hưởng đến chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bao gồm: Nhóm vốn con người: Giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn chủ hộ, quy mô hộ, lao động nông nghiệp, lao động làm thuê nông nghiệp - phi nông nghiệp, lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp; Nhóm vốn tài chính: Quy mô vốn vay; Nhóm vốn tự nhiên: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp; Nhóm vốn vật chất: Giá trị tài sản, tiếp cận công

nghệ; Nhóm vốn xã hội: Tổ chức đoàn thể; Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật (Khả năng học hỏi hay bắt chước của nông hộ).

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Kinh nghiệm nâng cao thu nhập nông hộ thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập nông hộ của các nước trên thế giới

1.2.1.1. Kinh nghiệm Bangladesh

1.2.1.2. Kinh nghiệm của Nhật Bản

1.2.1.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc

1.2.1.4. Kinh nghiệm tại Thái Lan

1.2.1.5. Kinh nghiệm tại Đài Loan

1.2.2. Kinh nghiệm nâng cao thu nhập nông hộ thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập nông hộ tại Việt Nam

1.2.2.1. Kinh nghiệm tại Hà Nội

1.2.2.2. Kinh nghiệm tại Thanh Hóa

1.2.2.3. Kinh nghiệm tại Đắk Nông

1.2.2.4. Kinh nghiệm tại Lâm Đồng

1.2.2.5. Kinh nghiệm thực tiễn ở một số địa phương khác

1.2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra từ nghiên cứu thực tiễn trong và ngoài nước

Từ kinh nghiệm một số nước trên thế giới và một số tỉnh thành ở trong nước liên quan đến nâng cao thu nhập thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, luận án rút ra một số bài học kinh nghiệm cho địa bàn nghiên cứu như sau:

- *Thứ nhất*, cần đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống.

- *Thứ hai*, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất trong nông nghiệp, cũng như phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội cho nông thôn.

- *Thứ ba*, đa dạng hóa sản xuất là một chiến lược quan trọng để giảm thiểu rủi ro và tăng thu nhập của nông hộ.

- *Thứ tư*, thay đổi tư duy canh tác truyền thống sang canh tác tập trung ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, từ khâu giống đến phân bón cũng như khâu sản xuất khâu tiêu thụ.

- *Thứ năm*, cần tiếp cận thị trường và tiêu thụ sản phẩm một cách hiệu quả.

- *Thứ sáu*, xây dựng các chuỗi giá trị, các ngành hàng chủ lực để làm sao chế biến sâu, tránh tình trạng “được mùa mất giá, được giá mất mùa”.

- *Thứ bảy*, xây dựng các cơ chế chính sách đặc thù thu hút về nông nghiệp để có các doanh nghiệp uy tín làm trụ đỡ trong việc hỗ trợ cho hợp tác xã và nông dân.

1.3. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.3.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ

1.3.1.1. Nghiên cứu ngoài nước

Các nghiên cứu ở trên đã cho thấy được những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ và ý nghĩa của việc nâng cao thu nhập của nông hộ. Về phương pháp, các nghiên cứu đã sử dụng mô hình kinh tế lượng để xác định được những yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ, dữ liệu bảng được có thời gian ngắn được sử dụng để nghiên cứu, tuy nhiên các nghiên cứu này chưa thực hiện các kiểm định cần thiết để đảm bảo mô hình có ý nghĩa về mặt thống kê, với những hạn chế ở các kết quả nghiên cứu trên sẽ được bổ sung vào trong cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án.

1.3.1.2. Nghiên cứu trong nước

Các kết quả nghiên cứu về thu nhập của nông hộ luôn được các nhà khoa học quan tâm trong thời gian gần đây, các nghiên cứu cho thấy sự khác nhau về yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ, nhiều nghiên cứu đã sử dụng các mô hình kinh tế lượng khác nhau để xác định yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ. Dữ liệu chéo được sử dụng, các công trình nghiên cứu cũng cho thấy yếu tố ảnh hưởng của nông hộ còn phụ thuộc vào vùng và địa phương nơi nông hộ sinh sống. Chính vì vậy việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ là cần thiết. Các nghiên cứu thực nghiệm tiêu biểu có liên quan yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ được tóm tắt và tổng hợp.

1.3.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đa dạng hóa thu nhập nông hộ

1.3.2.1. Nghiên cứu ngoài nước

Các nghiên cứu đã cho thấy ở nhiều nước đang phát triển các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp thoát khỏi đói nghèo nhờ vào các chiến lược đa dạng hóa thu nhập như lựa chọn chiến lược đa dạng hóa thu nhập, đa dạng hóa sản xuất bằng cách xen canh, luân canh, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi theo hướng đáp ứng nhu cầu nội địa và xuất khẩu, chuyển đổi sang hoạt động phi nông nghiệp như kinh doanh, làm dịch vụ hoặc đi làm thuê. Bên cạnh đó, các yếu tố quyết định đa dạng hóa thu nhập có thể thay đổi từ địa phương này sang địa phương khác, theo thời gian và giữa các cá nhân hoặc cộng đồng với cộng đồng (Gebrehiwot and Fekadu, 2012). Các tài liệu khác nhau đã chỉ ra, các mô hình, tình trạng kinh tế xã hội, mô hình trồng trọt, tác động của đa dạng hóa thu nhập nông thôn đối với phúc lợi hộ gia đình và giảm nghèo, tính dễ bị tổn thương của sinh kế, sự tham gia vào một hoạt động và phạm vi của các chiến lược đa dạng hóa là khác nhau (Ellis, 1998; Lanjouw and Feder, 2001; Brouwer *et al.*, 2007; Rahut and Scharf, 2012; Gautam and Andersen, 2016; Alam *et al.*, 2017). Có rất ít nghiên cứu lượng hóa các yếu tố để trả lời cho câu hỏi những yếu tố nào quyết định việc lựa chọn chiến lược đa dạng hóa thu nhập. Vì vậy, có một khoảng trống về kiến thức trong việc xác định các yếu tố quyết định lựa chọn chiến lược đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình nông thôn tại địa bàn nghiên cứu.

1.3.2.2. Nghiên cứu trong nước

Qua lược khảo tài liệu nghiên cứu trong nước, tác giả nhận thấy các nghiên cứu được thực hiện trên nhiều đối tượng, địa bàn khác nhau như hộ, hộ nông dân, hộ gia đình, hộ dân tộc thiểu số,... Tuy nhiên, các nghiên cứu chỉ dừng lại ở góc độ bài báo và các kết quả nghiên cứu vẫn còn mâu thuẫn với nhau, về phương pháp một số ít nghiên cứu đã sử dụng mô hình tobit hai giới hạn để xem xét ảnh hưởng của những đặc điểm của hộ gia đình và cộng đồng đối với chỉ số đa dạng hóa thu nhập (Herfindahl Hirschman Index - HHI hay Simpson Index of Diversity - SID), sau đó dùng phương pháp (Generalized Method of Moments - GMM) hay phương pháp bình phương nhỏ nhất 2 giai đoạn (2 Stage Least of Square - 2SLS) để kiểm định ảnh hưởng của (HHI hay SID) đối với thu nhập của hộ. Các phương pháp như thống kê mô tả, hồi quy đa biến đã chỉ ra nhiều nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Đa số các nghiên cứu sử dụng số liệu sơ cấp từ phỏng vấn trực tiếp nông hộ để phân tích. Như vậy, để nghiên cứu mối quan hệ nhân quả và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ dựa trên các mô hình kinh tế lượng và các kiểm định thống kê cần thiết thì trên địa bàn nghiên cứu thì chưa có một công trình nào nghiên cứu vấn đề này. Các nghiên cứu thực nghiệm tiêu biểu có liên quan yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập nông hộ được tóm tắt và tổng hợp.

1.3.3. Tổng quan mối quan hệ đa dạng hoá thu nhập và thu nhập của nông hộ

Các nghiên cứu đã cho thấy ở nhiều nước đang phát triển, các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp thoát khỏi đói nghèo nhờ vào đa dạng hóa thu nhập như: Đa dạng hóa sản xuất bằng cách xen canh, luân canh, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi theo hướng đáp ứng nhu cầu nội địa và xuất khẩu. Chuyển đổi sang hoạt động phi nông nghiệp như kinh doanh, làm dịch vụ hoặc đi làm thuê. Một số hộ thì di cư đến các vùng khác có mức lương và thu nhập cao hơn, ... Do đó, nghiên cứu mối quan hệ nhân quả của 2 biến số này rất quan trọng đối với chiến lược đa dạng sinh kế của nông hộ, giúp nhà làm chính sách có những giải pháp hỗ trợ phù hợp với người dân. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng một kỹ thuật khá mới khi kiểm định mối quan hệ nhân quả sử dụng dữ liệu bảng trong lĩnh vực nông nghiệp đó là phải kiểm tra sự phụ thuộc chéo của dữ liệu và kiểm tra tính dừng của các biến đối với dữ liệu bảng.

1.4. Đánh giá chung tổng quan tài liệu nghiên cứu

1.4.1. Những vấn đề các công trình nghiên cứu trước còn bỏ ngỏ

Các nghiên cứu cho thấy, chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập được sử dụng một cách linh hoạt, tùy vào cách tiếp cận của các nhà nghiên cứu và sử dụng chỉ số đa dạng hóa thu nhập ví dụ, Gebreyesus (2016) đã sử dụng chỉ số Entropy tổng hợp (Composite Entropy Index - CEI) một thước đo dựa trên nguồn thu nhập hộ gia đình. Reardon (1997), Davis (2003) và Khai and Danh (2014) đo lường đa dạng hóa thu nhập thông qua tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp trong tổng thu nhập của nông hộ. Schwarze and Zeller (2005) đo lường đa dạng hóa thu nhập bằng cách sử dụng chỉ số chỉ số cân bằng Shannon nó có nguồn gốc từ chỉ số Shannon (H), thường được sử dụng để đánh giá sự đa dạng của các loài. Trong nghiên cứu của (Joshi *et al.*, 2004; Minot *et al.*, 2006) chỉ số đa dạng thu nhập được ký hiệu (Simpsons Index of Diversity - SID). Ngoài ra, trong nghiên cứu của (Khai and Danh, 2014) sử dụng chỉ số Herfindahl (Còn gọi là chỉ số Herfindahl - Hirschman - HHI) làm thước đo đa dạng hóa thu nhập. Các nghiên cứu sử dụng chỉ số nghịch đảo của chỉ số Herfindahl (Household's Income Diversification - HID) (Ellis, 2000; Ersado, 2003; Schwarze and Zeller, 2005; Yisihake and Anupama, 2018). Đối với nghiên cứu này việc đưa 3 chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập vào nghiên cứu gồm chỉ số đa dạng hóa trong nội ngành trồng trọt hoặc chăn nuôi, chỉ số đo lường đa dạng hóa nội ngành nông nghiệp và chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập thông qua các hoạt động liên ngành phi nông nghiệp. Tác giả cho rằng đây là điểm mới của nghiên cứu khi đưa cả 3 chỉ số này ảnh hưởng đến thu nhập và rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.

Nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, đã thu hút rất nhiều nghiên cứu thực nghiệm ở trong và ngoài nước. Các nghiên cứu trước đây sử dụng dữ liệu chéo và có thời gian ngắn hoặc dữ liệu khảo sát tại một thời điểm với giả định quan hệ một chiều cho trước rằng “*đa dạng hóa quyết định thu nhập*” hoặc ngược lại (Yishak *et al.*, 2014; Adem and Tesafa, 2020; Getahun *et al.*, 2023; Andualem and Umer, 2023). Trong nghiên cứu này, luận án kiểm định mối quan hệ hai chiều của các biến số này. Đến thời điểm hiện tại tác giả nhận thấy chưa có nghiên cứu nào kiểm tra về mối quan hệ nhân quả của 2 chỉ số này thông qua dữ liệu bảng có thời gian dài. Vì vậy, việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ khi sử dụng bộ dữ liệu bảng có thời gian dài vẫn còn là một khoảng trống để luận án tiếp tục nghiên cứu.

Đối với vấn đề xác định yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ, các nghiên cứu đã sử dụng mô hình kinh tế lượng để xác định yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của

nông hộ. Về số liệu sử dụng trong nghiên cứu chủ yếu là số liệu chéo có thời gian ngắn, sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và kiểm định thống kê để phân tích ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ (Yang, 2004; Illukpitiya and Yanagida, 2008; Klasena *et al.*, 2013; Khai and Danh, 2014; Ha and Trung, 2019). Đối với địa bàn tỉnh Đắk Lắk việc sử dụng bộ dữ liệu bảng để phân tích nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn, tính đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có nghiên cứu thực nghiệm về vấn đề này. Ngoài ra, đa dạng hóa thu nhập có phải là yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và làm tăng/giảm thu nhập vẫn là khoảng trống của nghiên cứu trên địa bàn này.

Vấn đề tác động của rủi ro (Thiên tai, dịch bệnh) đến hoạt động sản xuất của nông hộ và các giải pháp để giảm thiểu rủi ro đó cũng được các nghiên cứu trước đây đề cập đến (Lữ Bá Vãn, 2015, Hạ Thị Kiều Dao và Nguyễn Thị Mai, 2016; Nguyễn Ngọc Thắng, 2017, Nguyễn Thị Mai, 2019, Nguyễn Thị Mai, 2020). Một số nghiên cứu cũng có những nhận định đa dạng hóa nguồn thu để giảm thiểu rủi ro (Ellis, 2000; Barrett *et al.*, 2001). Đa dạng hóa để đối phó với sự mất ổn định của các nguồn thu nhập (Barrett *et al.*, 2001; Block and Webb, 2001; Joshi *et al.*, 2004) hay động lực đa dạng hóa thu nhập của nông dân ở Châu Phi là giảm rủi ro (Delgado and Ammar, 1997). *Tuy nhiên*, nghiên cứu thực nghiệm và sử dụng mô hình kinh tế lượng để xác định đa dạng hóa thu nhập có mối quan hệ với rủi ro thu nhập của nông hộ, đến thời điểm hiện tại tác giả cho rằng vẫn còn khoảng trống để nghiên cứu.

Ngoài ra, các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ cũng được nghiên cứu đề cập đến (Minot *et al.*, 2006; Schwarze and Zeller, 2005; Khai and Danh, 2014, Agyeman *et al.*, 2014, Chuong *et al.*, 2015, Diep and Vien, 2017, Anabo, 2021, Arowolo *et al.*, 2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập có thể thay đổi từ địa phương này sang địa phương khác, theo thời gian và giữa các cá nhân hoặc cộng đồng với cộng đồng (Gebrehiwot and Fekadu, 2012). Đối với địa bàn tỉnh Đắk Lắk việc sử dụng bộ dữ liệu bảng để phân tích nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh, tính đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có nghiên cứu thực nghiệm nghiên cứu về vấn đề này. Vì vậy, có một khoảng trống về kiến thức trong việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ tại địa bàn nghiên cứu.

1.4.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở lý luận về nông hộ, thu nhập nông hộ, rủi ro thu nhập của nông hộ, mối quan hệ thu nhập với đa dạng hóa thu nhập và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập nông hộ.

Nghiên cứu tiếp tục sử dụng phương pháp mới (Lopez and Weber, 2017) đã phát triển, để kiểm định mối quan hệ nhân quả trong dữ liệu bảng và ứng dụng phương pháp này trong việc phân tích mối quan hệ nhân quả giữa thu nhập và các chỉ số đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Điều này sẽ cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ nhân quả của đa dạng hóa thu nhập với thu nhập của nông hộ đối với bộ số liệu bảng có thời gian dài.

Nghiên cứu tiếp tục sử dụng dữ liệu bảng, xây dựng và phát triển mô hình kinh tế lượng để tìm hiểu sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Tiếp tục nghiên cứu ảnh hưởng của các chỉ số đa dạng hóa thu nhập đến rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Bằng cách tiếp tục nghiên cứu với những hướng đi trên, nghiên cứu tiếp tục đưa ra gợi ý chính sách hỗ trợ nông hộ nhằm nâng cao thu nhập và giảm thiểu rủi ro thu nhập thông qua chiến

lược đa dạng hóa thu nhập phù hợp với địa bàn nghiên cứu.

CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, Kinh tế - Xã hội tỉnh Đắk Lắk

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

2.1.1.2. Địa hình

2.1.1.3. Khí hậu thời tiết

2.1.1.4. Đất đai

2.1.1.5. Nguồn nước

2.1.2. Điều kiện về xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

2.1.2.1. Dân số

2.1.2.2. Lao động

2.1.2.3. Dân tộc và tôn giáo

2.1.3. Thực trạng phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thời kỳ 2016 - 2022, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm của Đắk Lắk là 6,66% (theo giá so sánh 2010). Trong đó ngành Nông, Lâm và Ngư nghiệp tăng 6,01%, Công nghiệp - Xây dựng tăng 10,13% và Thương mại - Dịch vụ tăng 6,12%. Nét nổi bật trong quá trình tăng trưởng kinh tế Đắk Lắk giai đoạn 2016-2022 là mức tăng trưởng tương đối cao của khu vực phi nông nghiệp, đây là yếu tố quyết định tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực trong giai đoạn này.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế nói trên, cơ cấu kinh tế của tỉnh Đắk Lắk đã từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp, đồng thời giảm tỷ trọng của ngành nông, lâm ngư và nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, tuy nhiên mức độ chuyển dịch còn chưa cao. Cụ thể, đến năm 2022 cơ cấu kinh tế ngành Nông, Lâm và Ngư nghiệp của Đắk Lắk giảm còn 37,22% so với năm 2016 (40,99%), ngành Công nghiệp - Xây dựng tăng lên 16,20% so với năm 2016 (12,69%), ngành Thương mại - Dịch vụ tăng lên 42,27% so với năm 2016 (41,90%), thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,31%/năm so với năm 2016 (4,43%).

b. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

- *Ngành nông, lâm và ngư nghiệp:* Trong năm 2022, ngành nông nghiệp đã liên tục đưa ra chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương tập trung vào sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản. Đặc biệt, việc thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp kết hợp với xây dựng nông thôn mới đã được nhấn mạnh. Công việc này bao gồm việc áp dụng kỹ thuật tiên tiến từ lĩnh vực khoa học và công nghệ vào quy trình sản xuất, đồng thời điều chỉnh loại cây trồng và vật nuôi phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương và nhu cầu của thị trường. Ngoài ra, các biện pháp chặt chẽ đã được triển khai để ngăn chặn dịch bệnh tấn công cây trồng và vật nuôi, với sự tập trung đặc biệt vào công tác phòng chống dịch bệnh. Đồng thời, nhằm đáp ứng nhu cầu nước tưới cho cây trồng, nhiều giải pháp được đưa ra và thực hiện một cách hiệu quả. Kết quả của các nỗ lực này là việc sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh duy trì sự ổn định và phát triển đáng kể. Các lĩnh vực này tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định kinh tế và cải thiện đời sống ở nông thôn. Chúng đã đóng góp lớn trong

việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương, mặc dù thị trường xuất khẩu nông sản của tỉnh phải đối mặt với thách thức từ dịch Covid-19 cùng những xung đột chính trị toàn cầu và tình hình lạm phát ở các quốc gia Châu Âu.

Sản xuất nông, lâm nghiệp có bước phát triển khá, giữ vai trò quan trọng và chủ yếu trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị của địa phương. Quy mô, năng lực và giá trị sản xuất năm sau cao hơn năm trước. Năm 2016, giá trị sản xuất đạt 59.042 tỷ đồng (Giá hiện hành), trong đó chủ yếu là nông nghiệp với 57.827 tỷ đồng chiếm (97,94%), đến năm 2022, giá trị sản xuất của nông lâm ngư nghiệp đạt 64.079 tỷ đồng (giá hiện hành), trong đó sản xuất nông nghiệp chiếm 95,83% giá trị toàn ngành nông, lâm, thủy sản.

Xét sự tăng trưởng của các lĩnh vực sản xuất trong nội bộ ngành, trong giai đoạn 2016 - 2022 theo giá hiện hành giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Đắk Lắk tăng 2,46%, cụ thể: Sản xuất nông nghiệp tăng 2,12%, thủy sản tăng 8%, riêng ngành lâm nghiệp tăng cao 20%. Trong lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh thì ngành nông nghiệp vẫn chiếm vị trí ngành chủ đạo với tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành chiếm 95,83%.

- *Ngành công nghiệp:*

- *Ngành Thương mại – Dịch vụ:*

2.1.4. Thực trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đắk Lắk

2.1.4.1. Thực trạng giao thông

2.1.4.2. Thực trạng thủy lợi

2.1.4.3. Thực trạng cấp điện

2.1.5. Thực trạng các khu, cụm công nghiệp

2.1.6. Đánh giá chung

2.1.6.1. Thuận lợi

- Tỉnh Đắk Lắk có vị trí địa lý thuận lợi, là trung tâm kinh tế của vùng được thừa hưởng nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực, khả năng tiếp cận với thông tin khoa học, kỹ thuật tiên tiến lớn, đồng thời có tiềm năng thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế,... trong phát triển ngành nghề nông nghiệp nông thôn. Góp phần vào giải quyết công ăn việc làm cho người nông dân và tăng thu nhập.

- Là tỉnh có quỹ đất phát triển nông nghiệp lớn, màu mỡ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp; Khí hậu phù hợp với sự phát triển của các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, điều, tiêu,... với quy mô sản xuất hàng hóa tập trung. Có tiềm năng lớn về đất lâm nghiệp và trữ lượng gỗ cùng nguồn lâm sản phong phú.

- Có thế mạnh về nông nghiệp, đặc biệt là có vùng nguyên liệu ổn định về cây công nghiệp, Đắk Lắk có cơ hội rất lớn trong việc phát triển nghiên cứu các giống cây trồng địa phương. Tạo điều kiện phát triển công nghiệp chế biến nông lâm, thủy sản sẽ giúp cho tỉnh có cơ hội lớn trong việc cập nhật công nghệ hiện đại trong sản xuất.

- Tỉnh Đắk Lắk có cơ hội lớn về nguồn lao động chất lượng cao từ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trong và ngoài tỉnh nếu có sự đầu tư đúng hướng; Kết cấu hạ tầng được chú trọng đầu tư, từng bước đáp ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp ở các địa phương trên toàn tỉnh.

- Dân cư và lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk mang đặc điểm của nhiều vùng miền khác nhau tạo nên những nét truyền thống văn hóa đa dạng, phong phú chứa đựng những yếu tố năng động, sáng tạo mới. Cộng đồng các dân tộc trong tỉnh có truyền thống đoàn kết, cần cù và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực và ngành nghề đa dạng, phong phú.

2.1.6.2. Hạn chế

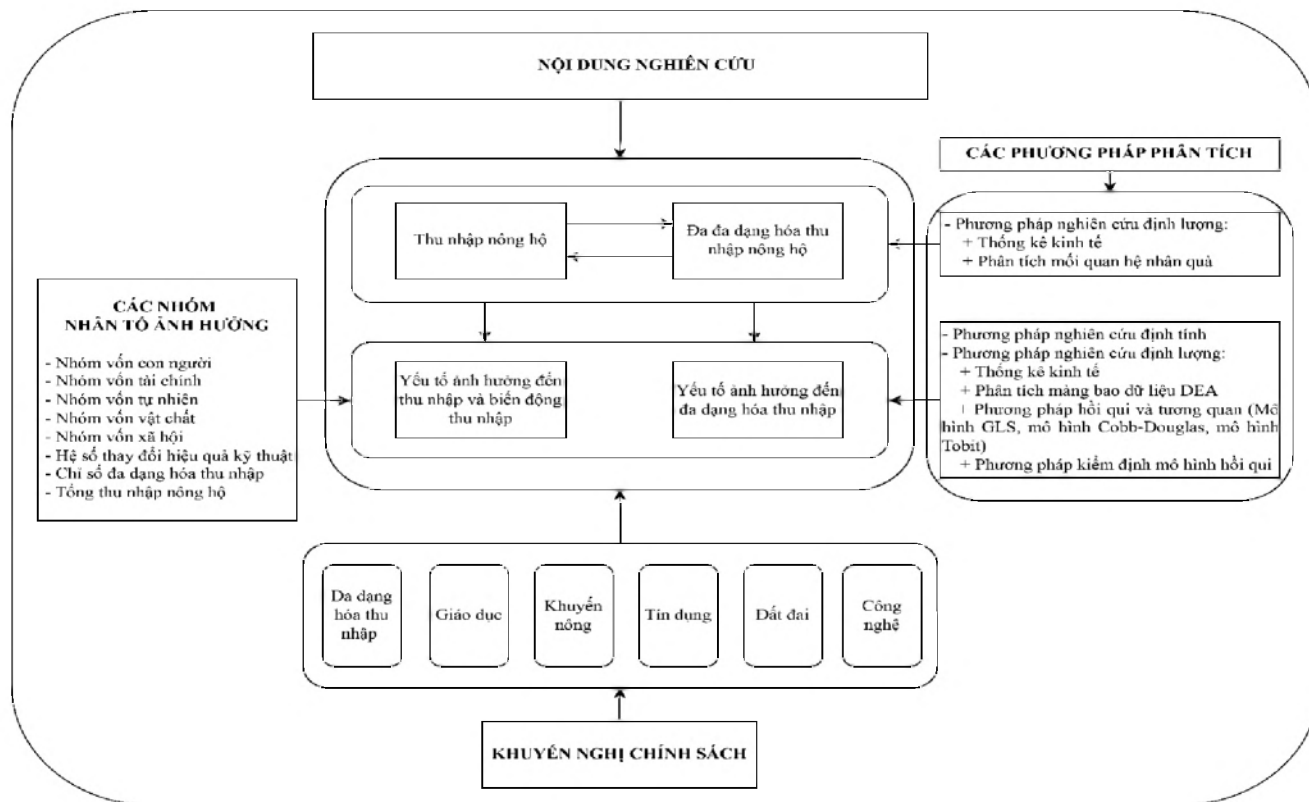
- Biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến mùa vụ canh tác cây trồng, vật nuôi. Thiên tai, dịch bệnh với quy mô ngày càng lớn, khó dự báo khiến cho người dân không chủ động đối phó, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp từ đó ảnh hưởng đến điều kiện kinh tế hộ cũng như khả năng mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp của nông hộ.

- Chất lượng lao động nông, lâm, ngư nghiệp vẫn còn thấp, số lao động nông, lâm, thủy sản đang làm việc, có rất ít lao động được đào tạo chuyên môn về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Lao động có xu hướng dịch chuyển sang phi nông nghiệp, điều này làm cho lực lượng lao động nông nghiệp có nguy cơ thiếu hụt và già hóa ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lao động nông nghiệp kế thừa trong tương lai.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tuy sẵn có từ trước và đã được đầu tư, đến nay có bước phát triển khá, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa thị trường trên quy mô lớn. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn, nhiều nơi còn yếu kém. Phát triển cơ sở hạ tầng ở nhiều vùng nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống của người dân, nhất là ở các xã nghèo, vùng đặc biệt khó khăn. Thuỷ lợi được đầu tư lớn, nhưng hiệu quả sử dụng thấp.

2.2. Khung phân tích



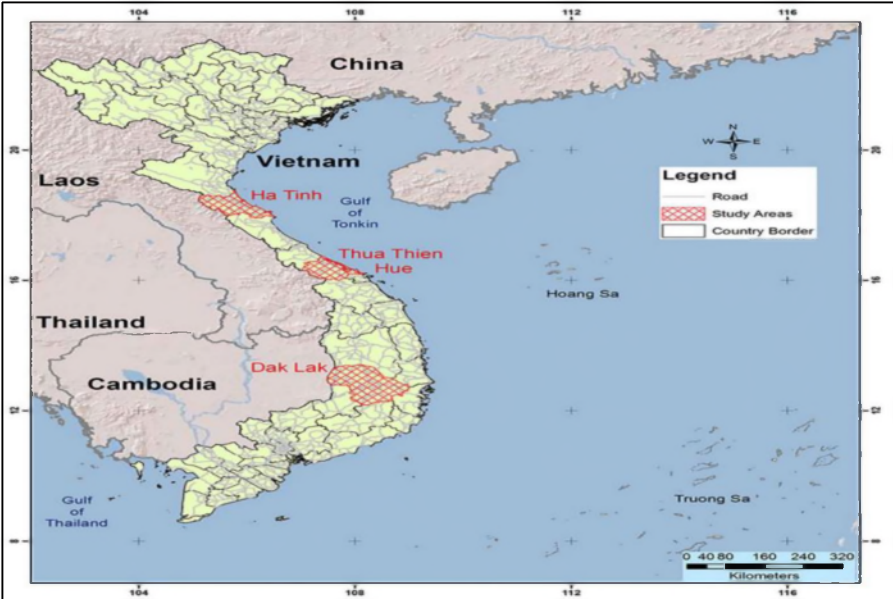
Sơ đồ 2.1. Khung phân tích

Nguồn: Mô tả của tác giả.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu cho nghiên cứu này được lấy từ dữ liệu bảng của Dự án Kinh tế - Xã hội Thái Lan và Việt Nam (TVSEP), một dự án nghiên cứu quốc tế do Quỹ Khoa học Đức (Deutsche Forschungsgemeinschaft - DFG) tài trợ (<https://www.tvsep.de/en/project/>). TVSEP chứa dữ liệu xuyên quốc gia và thông tin về tình trạng Kinh tế - Xã hội của gần 4.400 hộ gia đình nông thôn tại 6 tỉnh của Việt Nam và Thái Lan từ năm 2007 đến năm 2017 (Dữ liệu giai đoạn đầu). Tại Việt Nam dữ liệu TVSEP bao gồm khoảng 2.200 hộ gia đình từ 220 thôn ở ba tỉnh của Việt Nam là Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế và Đắk Lắk (Hình 2.2).



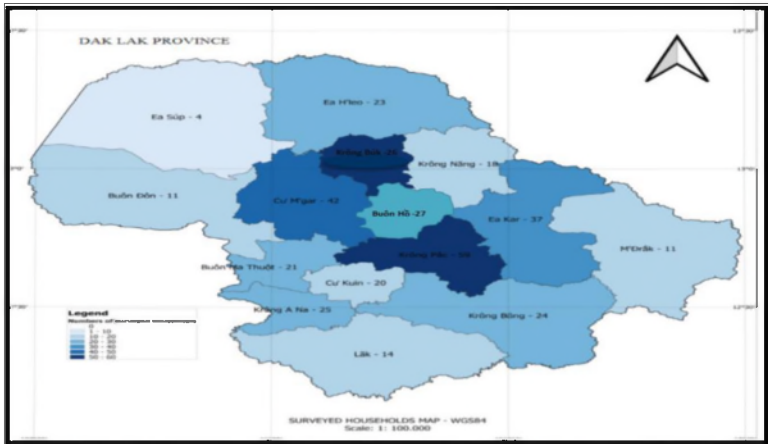
Hình 2.2. Bản đồ các tỉnh được chọn làm điểm nghiên cứu của dự án TVSEP tại Việt Nam

Nguồn: Nguyen et al., 2020

Luận án đã sử dụng giai đoạn đầu của dữ liệu tỉnh Đắk Lắk cho nghiên cứu này. Vì một số lý do sau: (i) Nông nghiệp là ngành kinh tế chính của tỉnh, chiếm 37,22% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh tỉnh Đắk Lắk, nguồn thu nhập chính của nông dân là từ sản xuất nông nghiệp; (ii) Cây trồng chính của hộ gia đình (Cà phê, hồ tiêu, điều, bơ, cao su, lúa, ngô) và vật nuôi chính (Trâu, bò, lợn, dê, gia cầm) (iii) Dân số bao gồm người kinh, dân tộc bản địa và di cư từ phía Bắc vào (Dân tộc thiểu số chiếm 32,79% dân số của tỉnh) (Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2023).

Vị trí và số hộ của dữ liệu TVSEP tỉnh Đắk Lắk (Hình 2.3) nghiên cứu sử dụng dữ liệu được trình bày chi tiết trong Bảng 2.5. Sáu đợt điều tra trong 6 năm khác nhau từ 2007-2017 đã thu thập thông tin chi tiết về các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp, tình trạng nhân khẩu, tài sản, đất đai và các đặc điểm Kinh tế - Xã hội khác của hộ gia đình, cá nhân. Dữ liệu trong mỗi cuộc khảo sát có thể so sánh được vì TVSEP đã sử dụng bảng câu

hỏi phù hợp trong mỗi năm lấy mẫu. Sau khi loại bỏ các gia đình phi nông nghiệp và cân đối số liệu, tổng số hộ được đưa vào nghiên cứu là 362 hộ được lập lại qua 6 giai đoạn.



Hình 2.3. Các địa điểm hộ gia đình được khảo sát trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nguồn: Bản vẽ của tác giả.

Bảng 2.5. Phân bổ số nông hộ điều tra tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Địa điểm	Số nông hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
TP. Buôn Ma Thuột	21	5,80
TX. Buôn Hồ	27	7,46
Huyện Buôn Đôn	11	3,04
Huyện Cư M'gar	42	11,60
Huyện Ea Hleo	23	6,35
Huyện Ea Kar	37	10,22
Huyện Ea Sup	4	1,10
Huyện Krông ANa	25	6,91
Huyện Cukuin	20	5,52
Huyện Krông Bông	24	6,63
Huyện Krông Buk	26	7,18
Huyện Krông Năng	18	4,97
Huyện Krông Pắc	59	16,30
Huyện Lắk	14	3,87
Huyện M'Drak	11	3,04
Tổng số nông hộ	362	100

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

2.3.2. Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu

Đối với thông tin và số liệu thứ cấp sau khi thu thập được xử lý để loại bỏ những tài liệu kém tin cậy, tính toán lại các số liệu cần thiết để phục vụ quá trình nghiên cứu.

Đối với bộ số liệu thứ cấp TVSEP sau khi đã “làm sạch”, được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm xử lý số liệu Stata/MP 14.0. Tuy nhiên, đối với chương 3 để kiểm tra mối quan hệ nhân quả, nghiên cứu được phát triển bởi Lopez and Weber (2017), để dữ liệu liên tục và không

bị gián đoạn tác giả sử dụng phương pháp toán học để nội suy dữ liệu để được dữ liệu liên tục từ năm 2007 đến năm 2017.

2.3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

2.3.3.1. Phương pháp nghiên cứu định tính

a. Phương pháp chuyên gia

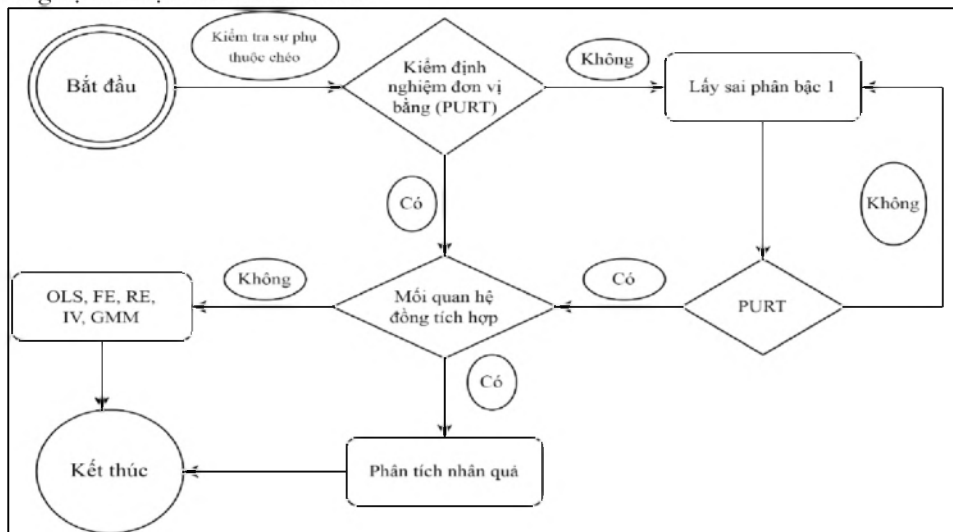
b. Phương pháp quan sát địa bàn nghiên cứu

2.3.3.2. Phương pháp nghiên cứu định lượng

a. Phương pháp thống kê kinh tế

b. Phương pháp phân tích màng bao dữ liệu DEA (Data Envelopment Analysis - DEA)

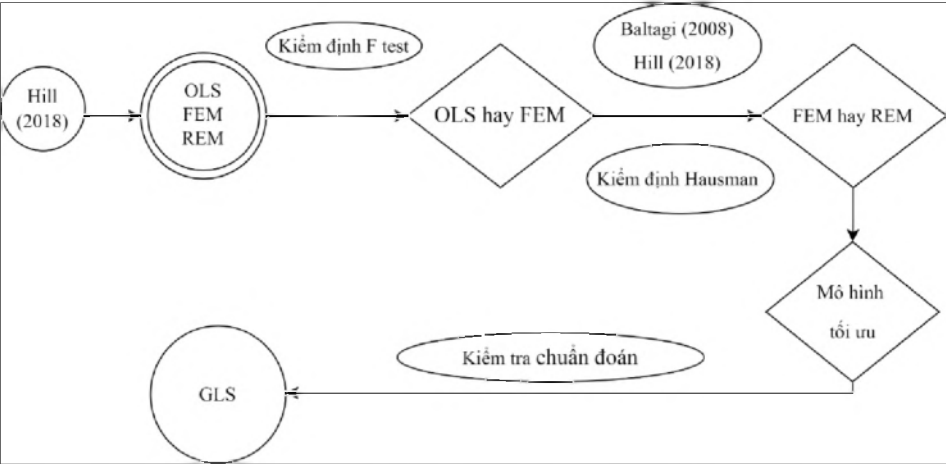
c. Mô hình và phương pháp phân tích mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



Sơ đồ 2.2. Quy trình phân tích mối quan hệ nhân quả thu nhập với đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nguồn: Tổng hợp của tác giả và tham khảo Giáo trình Kinh tế lượng Nguyễn Quang Đông và Nguyễn Thị Minh (2012), Dong et al. (2018), Võ Hồng Đức và Nguyễn Công Thắng (2021).

d. Mô hình và phương pháp phân tích yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



Hình 2.4. Quy trình ước lượng và lựa chọn mô hình tối ưu yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Nguồn: Tổng hợp của tác giả và tham khảo Hausman test (1978), Arellano and Bond (1991), Baltagi (2008), Hill (2018)

- Chỉ số đa dạng hóa thu nhập (HID): Mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình được đo lường bằng chỉ số đa dạng hóa thu nhập hộ gia đình (Household's Income Diversification - HID), ký hiệu HID, các nghiên cứu sử dụng chỉ số nghịch đảo của chỉ số Herfindahl (Ellis, 2000; Ersado, 2003; Schwarze and Zeller, 2005; Yisihake and Anupama, 2018). Theo Illukpitiya and Yanagida (2008) chỉ số HID là nghịch đảo chỉ số đa dạng Simpson (Minot *et al.*, 2006; Joshi *et al.*, 2004) và được biểu diễn theo công thức sau đây:

$$HID_{it} = \frac{1}{\sum_{i=1}^n p_{it}^2} \quad (8)$$

$$\sum_{i=1}^n p_{it}^2 = \left(\frac{HI_{1t}}{HI_{Tt}}\right)^2 + \left(\frac{HI_{2t}}{HI_{Tt}}\right)^2 + \dots + \left(\frac{HI_{nt}}{HI_{Tt}}\right)^2 \quad (9)$$

Bảng 2.6. Chỉ số đa dạng hóa thu nhập, thông số kỹ thuật cấp số SIC

HID	Các mức độ của (Standard Industrial Classification- SIC)	Dại diện
HID4	Nghiên cứu đã phân loại các nông hộ thành một nhóm dựa trên cây trồng và một nhóm dựa trên chăn nuôi (Cà hai cấp độ 4 chữ số).	Đa dạng thu nhập theo lĩnh vực cấp 4 theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg (Đa dạng thu nhập trong nội ngành trồng trọt hoặc chăn nuôi).
	Thu nhập đối với nông hộ trồng trọt: Thu nhập từ 6 phân ngành, bao gồm cà phê, hồ tiêu, cây lâu năm khác, lúa, ngô và các cây hàng năm khác.	
	Thu nhập của nông hộ dựa vào chăn nuôi: Thu nhập từ 4 phân ngành, bao gồm gia súc (Trâu, bò), vật nuôi nhỏ (Lợn, dê), gia cầm (Gà, vịt) và các động vật khác.	

HID	Các mức độ của (Standard Industrial Classification- SIC)	Dại diện
HID3	Thu nhập từ 3 ngành (Mức 3 chữ số): Trồng trọt, chăn nuôi và các hoạt động khác (Đánh bắt, săn bắn, thu hái, đốn gỗ và các sản phẩm từ gỗ).	Đa dạng thu nhập giữa các ngành theo lĩnh vực cấp 3 theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg (Đa dạng thu nhập trong nội ngành nông nghiệp, giữa ngành trồng trọt và chăn nuôi).
HID2	Thu nhập từ năm nhóm chính (Mức 2 chữ số): Nông nghiệp, kiểu hối, việc làm phi nông nghiệp, tự kinh doanh phi nông nghiệp, tài sản vốn và tài sản chuyển nhượng.	Đa dạng thu nhập theo khu vực hoạt động theo lĩnh vực cấp 2 theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg (Nông nghiệp, phi nông nghiệp).

Nguồn: Phân tích của tác giả.

- *Mô hình nghiên cứu đề xuất:* Dựa vào mô hình lý thuyết về kinh tế học nông nghiệp, phương pháp tổng hợp ý kiến chuyên gia, kinh nghiệm nghiên cứu trong và ngoài nước, dữ liệu bảng TVSEP qua các giai đoạn, nghiên cứu thực địa của tác giả. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ được đưa vào phân tích trong nghiên cứu này bao gồm: Giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, quy mô hộ, lao động nông nghiệp, lao động làm thuê nông nghiệp - phi nông nghiệp, lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, quy mô vốn vay ngân hàng chính thức, giá trị tài sản, tiếp cận công nghệ, tổ chức đoàn thể, hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật (Khả năng học hỏi của nông hộ) và các chỉ số đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Như vậy, thu nhập là một hàm đa biến phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, $Y_{it} = f(X_{1it}, X_{2it}, X_{3it}, \dots, X_{nit})$. Hàm được sử dụng để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được thể hiện như sau:

$$\ln Y_{it} = a_i + \ln \sum_{i=1}^n a_{it} X_{it} + \sum_{j=1}^m a_{jt} D_{jt} + u_{it} \quad (10)$$

Trong đó: Y là biến phụ thuộc (Tổng thu nhập của hộ), X_{it} là biến độc lập (Các nhân tố định lượng ảnh hưởng đến thu nhập), D_{jt} là các biến định tính, a_i là hệ số tự do, a_{it} và a_{jt} hệ số của biến X_{it} và D_{jt} , u_{it} là sai số ngẫu nhiên.

Bảng 2.7. Tóm tắt các biến được sử dụng trong mô hình ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

TT	Biến	Ký hiệu	Nguồn	Dấu kì vọng	Giải thích
Biến phụ thuộc					
1	Tổng thu nhập của nông hộ	$\ln_Inc$			Tổng thu nhập của nông hộ (triệu đồng/hộ/năm)
Biến độc lập					
1	Giới tính	Gender	Démurger <i>et al.</i> (2010), Ha and Trung (2019)	+/-	1: chủ hộ là nam 0: chủ hộ là nữ
2	Dân tộc	Ethnic	Schwarze (2004), Khai and Danh (2014)	+/-	1: chủ hộ dân tộc kinh 0: dân tộc thiểu số khác
3	Tôn giáo	Religion	Bettendorf and Dijkgraaf (2011)	+/-	1: có theo tôn giáo 0: không theo tôn giáo
4	Trình độ học vấn chủ hộ	Edu	Shrestha and Eiumnoh (2000), Yang (2004), Klasen <i>et al.</i> (2013),	+	Trình độ học vấn chủ hộ: 1: tiểu học 2: trung học cơ sở

TT	Biến	Ký hiệu	Nguồn	Dấu ki vọng	Giải thích
			Khai and Danh (2014), Ha and Trung (2019)		3: trung học phổ thông 4: trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sỹ
5	Quy mô nông hộ	Ln_Hhsize	Klasen <i>et al.</i> (2013), Ha and Trung (2019)	+/-	Quy mô nông hộ (người)
6	Lao động nông nghiệp	Labor1	Schwarze (2004), Khai and Danh (2014)	+	Số lao động nông nghiệp của hộ (người)
7	Lao động làm thuê nông nghiệp, phi nông nghiệp	Labor2	Schwarze (2004), Yang (2004), Khai and Danh (2014)	+	Số lao động làm thuê nông nghiệp, phi nông nghiệp (người)
8	Lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp	Labor3	Schwarze (2004), Yang (2004), Khai and Danh (2014)	+	Số lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp (người)
9	Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp	Ln_Exp	Yang (2004), Démurger <i>et al.</i> (2010), Ha and Trung (2019)	+	Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ (năm)
10	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	Ln_Land	Schwarze (2004), Yang (2004), Babatunde and Qaim (2009), Ha and Trung (2019)	+	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp (ha)
11	Quy mô vốn vay	Ln_Loans	Schwarze (2004)	+/-	Tổng số tiền vay từ các tổ chức tín dụng chính thức (triệu đồng/hộ/năm)
12	Giá trị tài sản	Ln_Assets	Schwarze (2004), Klasen <i>et al.</i> (2013), Ha and Trung (2019), Khai and Danh (2014)	+/-	Tổng giá trị tài sản (triệu đồng/hộ/năm)
13	Tiếp cận công nghệ	Internet	Khai and Danh (2014)	+	1: truy cập internet 0: không truy cập internet
14	Tổ chức đoàn thể	Org	Yang (2004), Démurger <i>et al.</i> (2010)	+	1: thành viên của tổ chức đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ,...) 0: không là thành viên của một tổ chức đoàn thể
15	Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật	Effch	Coelli <i>et al.</i> (1998), Hoi <i>et al.</i> (2022)	+	Đo lường khả năng học hỏi hay bắt chước của DMU so với DMU nằm trên đường biên, vì vậy chúng tôi sử dụng Effch đo lường khả năng bắt chước của nông hộ
16	HID4	HID4	Minot <i>et al.</i> (2006), Joshi <i>et al.</i> (2004), Illukpitiya and Yanagida (2008), Babatunde and Qaim (2009), Khai and Danh (2014)	+/-	Giải thích trong bảng 2.6

TT	Biến	Ký hiệu	Nguồn	Dấu kì vọng	Giải thích
17	HID3	HID3	Minot <i>et al.</i> (2006), Joshi <i>et al.</i> (2004), Illukpitiya and Yanagida (2008), Babatunde and Qaim (2009), Khai and Danh (2014)	+/-	Giải thích trong bảng 2.6
18	HID2	HID2	Minot <i>et al.</i> (2006), Joshi <i>et al.</i> (2004), Illukpitiya and Yanagida (2008), Babatunde and Qaim (2009), Khai and Danh (2014)	+/-	Giải thích trong bảng 2.6

Nguồn: Phân tích của tác giả.

e. Mô hình và phương pháp phân tích đến rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Để xác định đa dạng hóa thu nhập ảnh hưởng như thế nào đến sự biến động về thu nhập của nông hộ (rủi ro thu nhập của nông hộ), trước tiên phải xác định rủi ro thu nhập của nông hộ, sau đó xác định mức độ ảnh hưởng của đa dạng hóa thu nhập đến rủi ro thu nhập của nông hộ, cụ thể quy trình nghiên cứu như sau:

Bước 1: Xác định lại mô hình ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Mô hình này không bao gồm các chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập của nông hộ). Để xác định mô hình ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ, nghiên cứu sử dụng mô hình sản xuất Cobb-Douglas.

$$Y_{it} = A_{it} \cdot \sum_{i=1}^n X_{it}^{b_{it}} \cdot e^{\sum a_{it} \cdot D_{it}}$$

Trong đó: Y là biến phụ thuộc thể hiện tổng thu nhập của của hộ; A là hệ số hồi qui của mô hình; b_{it} là hệ số co giãn của biến phụ thuộc đối với các biến độc lập, các hệ số này được ước lượng bằng phương pháp hồi qui; a_{it} là các tham số của biến định tính; D_{it} là các biến định tính. Từ mô hình sản xuất Cobb-Douglas, lấy logarith hai vế để chạy hồi qui, các biến được định nghĩa cụ thể trong (Phụ lục 2.6).

Bước 2: Xác định rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Để xác định rủi ro thu nhập, dựa vào kết quả hồi qui từ mô hình sản xuất Cobb-Douglas trong bước 1, nghiên cứu sẽ lấy biến động phần dư trong mô hình hồi qui sau đó mũ hai hệ số biến động. Như vậy biến động giữa giá trị thực tế với giá trị kỳ vọng tính được chính là rủi ro thu nhập của nông hộ.

Bước 3: Xác định phương pháp nghiên cứu ảnh hưởng đến rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi đã xác định được rủi ro thu nhập trong bước 2, nghiên cứu đề xuất 2 phương pháp nghiên cứu ảnh hưởng, *thứ nhất*, ảnh hưởng của đa dạng hóa thu nhập đến rủi ro thu nhập của nông hộ thông qua biểu đồ, *thứ hai*, ảnh hưởng của đa dạng hóa thu nhập đến rủi ro thu nhập của nông hộ thông qua mô hình hồi qui đa biến có dạng như sau:

$$r_{it}^2 = a_0 + \sum_{i=1}^n a_{it}HID_{it} + u_{it}$$

Trong đó: r_{it}^2 là biến phụ thuộc thể hiện rủi ro thu nhập của nông hộ, HID_{it} là các chỉ số đo lường đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, a_0 là hệ số tự do, a_{it} hệ số của biến HID_{it} , u_{it} là sai số ngẫu nhiên, các biến được định nghĩa cụ thể trong (Phụ lục 2.7).

f. Mô hình và phương pháp phân tích yếu tố đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Dựa vào mô hình lý thuyết về kinh tế học nông nghiệp, lý thuyết về khung sinh kế bền vững của DFID (1999), phương pháp tổng hợp ý kiến chuyên gia, các nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước, dữ liệu bảng TVSEP qua các giai đoạn và nghiên cứu thực địa của tác giả. Các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ được đưa vào phân tích trong nghiên cứu này bao gồm: Giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, quy mô hộ, lao động nông nghiệp, lao động làm thuê nông nghiệp - phi nông nghiệp, lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, quy mô vốn vay ngân hàng chính thức, giá trị tài sản, tiếp cận công nghệ, tổ chức đoàn thể, hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật, tổng thu nhập nông nghiệp của nông hộ. Áp dụng mô hình Tobit Greene (2002) hai giới hạn để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến HID của nông hộ. Tuy nhiên, chỉ số HID không thể nhỏ hơn 0 hoặc lớn hơn 1, nên trong chương 4 nghiên cứu sử dụng chỉ số SID để đo lường chỉ số đa dạng hóa thu nhập của nông hộ (Rao, 1982; Sen, 2005; Joshi *et al.*, 2004; Minot *et al.*, 2006). Như vậy chỉ số SID được xác định lại như sau:

$$SID_{it} = 1 - \frac{1}{HID_{it}} \quad (11)$$

Với chỉ số HID_{it} đã được xác định trong bảng 2.6, chỉ số SID_{it} dao động từ 0 đến 1, SID_{it} càng tiến đến gần 1 thì mức độ đa dạng hóa càng cao. Mô hình hồi qui Tobit hai giới hạn được dùng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến SID_{it} của nông hộ. Để đơn giản hóa, các chỉ số cho hộ thứ i và SID_{it} thứ j của mỗi hộ không được đưa vào phương trình.

$$SID_{it}^* = \alpha_0 + \sum_{i=1}^n \alpha_{it}X_{it} + \sum_{j=1}^m \alpha_{jt}D_{jt} + u_{it} \quad (12)$$

$$SID_{it} = \begin{cases} 0 & \text{nếu } SID_{it}^* \leq 0 \\ 1 & \text{nếu } SID_{it}^* \geq 1 \\ SID_{it}^* & \text{nếu } 0 < SID_{it}^* < 1 \end{cases}$$

Trong đó SID_{it} chỉ số đa dạng hóa thu nhập, X_{it} là các biến độc lập có quan hệ đến sự phân bổ thời gian, D_{jt} là các biến định tính, α_0 là hệ số tự do, α_{it} và α_{jt} hệ số của biến X_{it} và D_{jt} , u_{it} là sai số ngẫu nhiên. SID_{it}^* tương ứng với giá trị SID_{it} kỳ vọng và SID_{it} là giá trị quan sát được. Mỗi quan hệ giữa biến tiềm ẩn và biến quan sát được và u_{it} là một phần sai số được giả định là tuân theo một phân phối chuẩn. Các biến được diễn giải qua bảng 2.8.

Bảng 2.8. Tóm tắt các biến được sử dụng trong mô hình ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

TT	Biến	Ký hiệu	Nguồn	Dấu ki vọng	Giải thích
Biến phụ thuộc					
1	SID4		Chỉ số đa dạng hóa thu nhập tính theo SID4		
2	SID3		Chỉ số đa dạng hóa thu nhập tính theo SID3		
3	SID2		Chỉ số đa dạng hóa thu nhập tính theo SID2		
Biến độc lập					
1	Giới tính	Gender	Chuong <i>et al.</i> (2015), Diep and Vien (2017)	+/-	1: chủ hộ là nam 0: chủ hộ là nữ
2	Dân tộc	Ethnic	Minot <i>et al.</i> (2006), Nghiem (2010), Khai and Danh (2014), Chuong <i>et al.</i> (2015), Schwarze and Zeller (2005), Diep and Vien (2017)	+/-	1: chủ hộ dân tộc kinh 0: dân tộc thiểu số khác
3	Tôn giáo	Religion	Bettendorf và Dijkgraaf (2011), Diệp Thanh Tùng và cs. (2017)	+/-	1: có theo tôn giáo 0: không theo tôn giáo
4	Trình độ học vấn chủ hộ	Edu	Minot <i>et al.</i> (2006), Khai and Danh (2014), Chuong <i>et al.</i> (2015), Schwarze and Zeller (2005), Anabo (2021)	+	Trình độ học vấn chủ hộ: 1: tiểu học 2: trung học cơ sở 3: trung học phổ thông 4: trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sỹ
5	Quy mô nông hộ	Ln_Hhsize	Minot <i>et al.</i> (2006), Nghiem (2010), Anabo (2021)	+/-	Quy mô nông hộ (người)
6	Lao động nông nghiệp	Labor1	Khai and Danh (2014), Chuong <i>et al.</i> (2015)	+/-	Số lao động nông nghiệp của hộ (người)
7	Lao động làm thuê nông nghiệp, phi nông nghiệp	Labor2	Yang (2004), Schwarze and Zeller (2005), Khai and Danh (2014), Klasen <i>et al.</i> (2013) Chuong <i>et al.</i> (2015)	+/-	Số lao động làm thuê nông nghiệp, phi nông nghiệp (người)
8	Lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp	Labor3	Schwarze and Zeller (2005), Yang (2004), Khai and Danh (2014), Klasen <i>et al.</i> (2013), Chuong <i>et al.</i> (2015)	+/-	Số lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp (người)
9	Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp	Ln_Exp	Démurger <i>et al.</i> (2010)	+	Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ (năm)
10	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	Ln_Land	Khai and Danh (2014), Schwarze và Zeller (2005), Nghiem (2010)	+	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp (ha)
11	Quy mô vốn vay	Ln_Loans	Minot <i>et al.</i> (2006), Khai and Danh (2014), Schwarze và Zeller (2005), Diep and Vien (2017), Anabo (2021)	+/-	Tổng số tiền vay từ các tổ chức tín dụng chính thức (triệu đồng/hộ/năm)
12	Giá trị tài sản	Ln_Assets	Chuong <i>et al.</i> (2015)	+/-	Tổng giá trị tài sản (triệu đồng/hộ/năm)
13	Tiếp cận công nghệ	Internet	Khai and Danh (2014), Anabo (2021)	+	1: truy cập internet 0: không truy cập internet

TT	Biến	Ký hiệu	Nguồn	Dấu ki vọng	Giải thích
14	Tổ chức đoàn thể	Org	Démurger <i>et al.</i> (2010)	+	1: thành viên của tổ chức đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ,...) 0: không là thành viên của một tổ chức đoàn thể
15	Hệ số thay đổi hiệu quả	Effch	Coelli <i>et al.</i> (1998), Hoi <i>et al.</i> (2022)	+	Đo lường hệ số thay đổi hiệu quả thu được từ mô hình DEA
16	Tổng thu nhập từ nông nghiệp	Ln_TTNN	Yisihake and Anupama (2018), Getahun <i>et al.</i> (2023)	+/-	Tổng thu nhập nông nghiệp của nông hộ (triệu đồng/hộ/năm)

Nguồn: Phân tích của tác giả.

CHƯƠNG 3. THU NHẬP VÀ ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. Thực trạng thu nhập và đa dạng thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

3.1.1. Một số đặc điểm nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

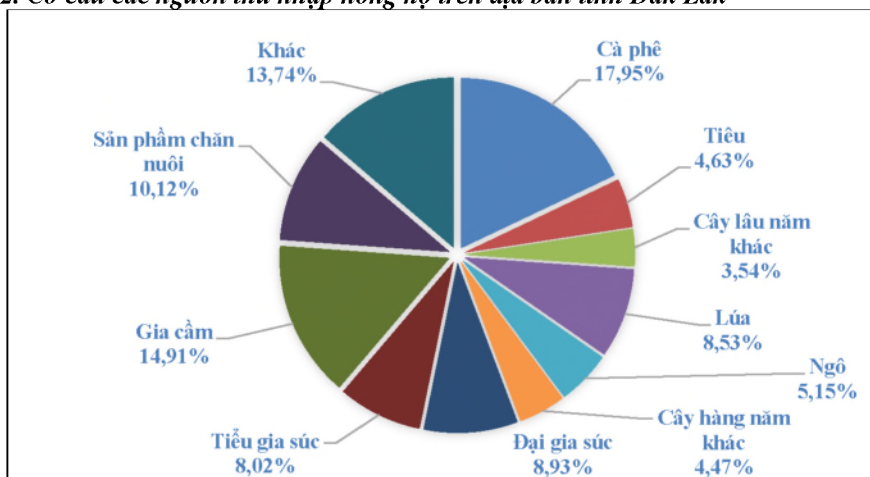
Bảng 3.1. Một số đặc điểm nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Tên biến	Loại/Đơn vị tính	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Tổng thu nhập của nông hộ	Liên tục/triệu đồng/hộ/năm	147,623	152,198	11,180	2.665,37
Giới tính	Biến giả	0,870	0,336	0	1
Dân tộc	Biến giả	0,636	0,481	0	1
Tôn giáo	Biến giả	0,245	0,430	0	1
Trình độ học vấn chủ hộ	Rời rạc/cấp học: 1-4	1,945	0,830	1	4
Quy mô nông hộ	Rời rạc/người	5,239	1,770	1	15
Lao động nông nghiệp	Rời rạc/người	2,391	1,355	0	9
Lao động làm thuê NN - PNN	Rời rạc/người	1,049	1,141	0	7
Lao động tự kinh doanh PNN	Rời rạc/người	0,235	0,514	0	4
Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp	Rời rạc/năm	34,713	10,987	3	73
Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	Ha/hộ	1,852	1,543	0,04	30,57
Quy mô vốn vay	Triệu đồng/hộ/năm	28,676	96,490	0	2.600
Giá trị tài sản	Triệu đồng/hộ/năm	86,078	135,921	0,513	1.415,80
Tiếp cận công nghệ	Biến giả	0,806	0,395	0	1
Tổ chức đoàn thể	Biến giả	0,579	0,494	0	1
Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật	Liên tục	1,034	0,3797	0,295	5,589
HID4	Liên tục	2,044	0,918	1	5,593
HID3	Liên tục	1,446	0,399	1	2,905
HID2	Liên tục	1,515	0,535	1	3,987

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

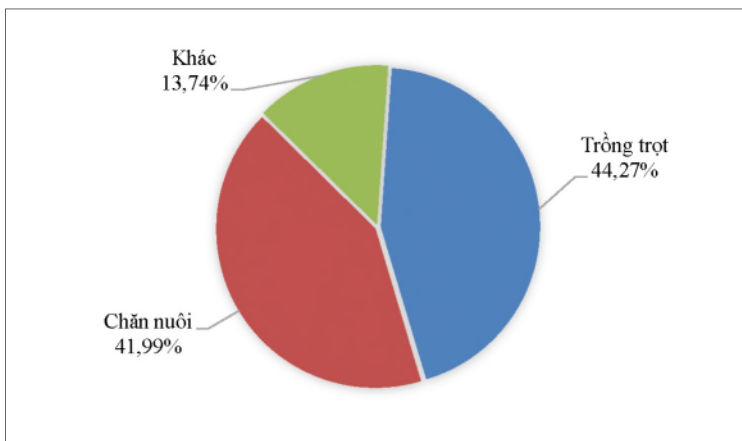
Qua bảng 3.1 cho thấy, thu nhập trung bình của nông hộ 147,623 (triệu đồng/hộ/năm), thu nhập thấp nhất là 11,180 (triệu đồng/hộ/năm) và cao nhất là 2.665,37 (triệu đồng/hộ/năm). Trình độ học vấn tính theo cấp học trung bình là 1,945. Quy mô hộ trung bình 5,239 người, số lao động nông nghiệp trung bình là 2,391 người, lao động làm thuê nông nghiệp - phi nông nghiệp trung bình 1,049 người, lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp trung bình 0,235 lao động, kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp trung bình 34,713 năm, diện tích đất sản xuất nông nghiệp trung bình 1,852 ha. Quy mô vốn vay từ các tổ chức tín dụng chính thức trung bình 28,676 (triệu đồng/hộ/năm). Giá trị tài sản không bao gồm nhà ở và diện tích nhà ở có giá trị trung bình 86,078 triệu đồng/hộ. Tiếp cận Internet, tham gia tổ chức đoàn thể có giá trị trung bình lần lượt là 0,870; 0,636; 0,245; 0,806 và 0,579. Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật (Hệ số khả năng học hỏi hay bắt chước) trung bình 1,034. Các chỉ số đa dạng hóa càng lớn chứng tỏ nông hộ càng đa dạng hóa hoạt động tạo ra thu nhập cụ thể chỉ số HID4 trung bình 2,044, HID3 trung bình 1,446 và HID2 trung bình 1,515.

3.1.2. Cơ cấu các nguồn thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



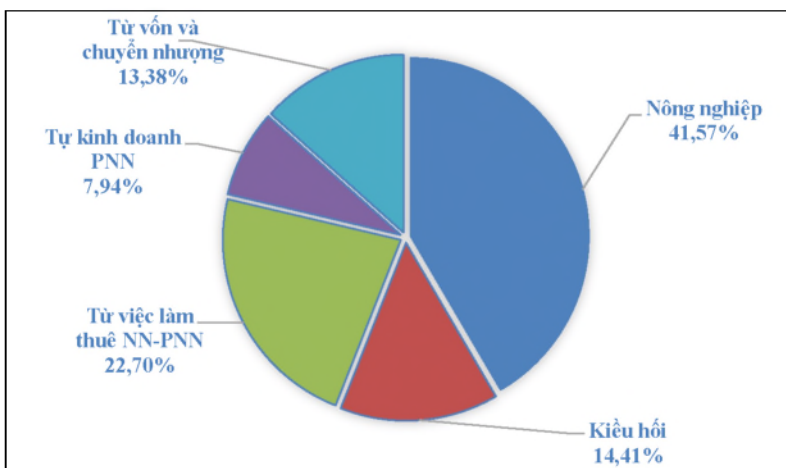
Biểu đồ 3.1. Cơ cấu nguồn thu nhập nông hộ theo chỉ số HID4

Nguồn: Dữ liệu TVSEP và tính toán của tác giả.



Biểu đồ 3.2. Cơ cấu nguồn thu nhập nông hộ theo theo chỉ số HID3

Nguồn: Dữ liệu TVSEP và tính toán của tác giả.



Biểu đồ 3.3. Cơ cấu nguồn thu nhập nông hộ theo theo chỉ số HID2

Nguồn: Dữ liệu TVSEP và tính toán của tác giả.

3.2. Mối quan hệ thu nhập và đa dạng hóa thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

3.2.1. Kiểm định sự phụ thuộc chéo trong dữ liệu bảng

Bảng 3.2. Kết quả sự phụ thuộc trong dữ liệu bảng

Mô hình	PPUL	Pesaran (2007)	Frees (1995)
LOG_INCOME = f(HID4)	FEM	358,200***	91,564***
	REM	359,305***	91,806***
HID4 = f(LOG_INCOME)	FEM	50,223***	47,778***
	REM	51,034***	47,846***

Mô hình	PPUL	Pesaran (2007)	Frees (1995)
LOG_INCOME = f(HID3)	FEM	358,685***	91,233***
	REM	360,508***	90,924***
HID3 = f(LOG_INCOME)	FEM	88,037***	44,814***
	REM	90,015***	44,171***
LOG_INCOME = f(HID2)	FEM	323,232***	87,802***
	REM	331,440***	89,277***
HID2 = f(LOG_INCOME)	FEM	24,800***	43,108***
	REM	26,837***	43,274***

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%;

PPUL: Phương pháp ước lượng;

Mô hình tác động cố định (Fixed Effects Model - FEM), mô hình tác động ngẫu nhiên (Random Effects Model - REM).

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

3.2.2. Kiểm tra tính dừng đối với các biến dữ liệu bảng

Bảng 3.3. Kết quả kiểm định nghiệm đơn vị đối với các biến dữ liệu bảng

Biến	Giá trị ban đầu		Sai phân bậc nhất	
	Hệ số	Hệ số và xu thế	Hệ số	Hệ số và xu thế
LOG_INCOME	-2,032***	-1,643	-2,236***	-2,771***
HID4	-1,919***	-1,999	-2,511***	-3,346***
HID3	-1,820**	-1,898	-2,362***	-3,071***
HID2	-1,458	-2,240	-2,679***	-3,558***

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

3.2.3. Kết quả kiểm định đồng liên kết của dữ liệu bảng

Bảng 3.4. Kiểm định đồng liên kết Westerlund cho mô hình (1) và (2)

Biến: LOG_INCOME, HID4, HID3 và HID2 (với độ trễ = 1)

Biến	Gt	Ga	Pt	Pa
LOG_INCOME4	-3,594***	-2,326	-55,368***	-2,892
HID4	-3,995***	-2,837	-47,200***	-3,123
LOG_INCOME3	-3,943***	-2,528	-47,458***	-2,552
HID3	-5,226***	-2,993	-47,456***	-3,063
LOG_INCOME2	-3,648***	-2,381	-36,434	-2,434
HID2	-4,405***	-2,855	-52,191***	-3,439

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%;

Gt, Ga là hai kiểm định thống kê nhóm của Westerlund (2007);

Pt, Pa là hai kiểm định thống kê bảng của Westerlund (2007).

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

3.2.4. Kiểm định mối quan hệ nhân quả

Bảng 3.5. Kiểm định mối quan hệ nhân quả

Giả thuyết	Thống kê		Kết luận
	W-bar	Z-bar- tilde	
LOG_INCOME → HID4	3,9893***	17,5945***	LOG_INCOME ↔ HID4
HID4 → LOG_INCOME	4,9331***	24,0075***	
LOG_INCOME → HID3	3,3625***	13,3355***	LOG_INCOME ↔ HID3
HID3 → LOG_INCOME	5,1903***	25,7556***	
LOG_INCOME → HID2	-	-	HID2 → LOG_INCOME
HID2 → LOG_INCOME	4,7590***	22,8245***	

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%;

↔ Thể hiện mối quan hệ nhân quả Granger hai chiều;

→ Thể hiện mối quan hệ nhân quả Granger một chiều.

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

Mối quan hệ giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập nông hộ rất quan trọng trong việc tăng cường sự phát triển bền vững của kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Kết quả bảng 3.5 cho thấy, mối qua hệ hai chiều giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập (HID4 và HID3), mối quan hệ một chiều giữa HID2 với thu nhập. Như vậy, đa dạng thu nhập và thu nhập của nông hộ có mối quan hệ nhân quả hai chiều. Cụ thể, mối quan hệ hai chiều giữa HID4 và HID3 với thu nhập cho thấy quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi là một quá trình phức tạp, không đơn thuần chỉ là một chiến lược sinh kế của nông hộ mà nó còn là hệ quả của một quá trình tích lũy sự giàu có. Để thay đổi cơ cấu cây trồng hay vật nuôi, các hộ nông dân cần đầu tư thời gian cho việc nghiên cứu và đổi mới, cải tiến kỹ thuật canh tác đặc biệt là tích lũy nguồn lực thông qua thu nhập. Hơn nữa, việc đa dạng hóa thu nhập không nên được xem là phương tiện để giải quyết ngay lập tức vấn đề thu nhập thấp của các nông hộ. Nó cần được xem như là một quá trình dài hạn, trong đó các nông hộ cần có thời gian để học hỏi và thích nghi với các hoạt động mới. Chính vì vậy, các chương trình chuyển đổi mô hình canh tác đòi hỏi thời gian hình thành năng lực kinh tế của hộ. Ngoài ra, mối quan hệ một chiều giữa đa dạng hóa thu nhập theo hướng phi nông nghiệp (HID2) và thu nhập cho thấy việc đa dạng hóa thu nhập thông qua hoạt động phi nông nghiệp thuần túy là chiến lược cải thiện thu nhập của nông hộ. Do đó, cần thay đổi nhận thức về tầm quan trọng của phát triển kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của địa phương. Có như vậy mới có thể tạo ra nhiều công ăn việc làm, giảm thiểu thời gian nông nhàn, từ đó rút ngắn sự chênh lệch về khả năng phát triển kinh tế giữa nông thôn và thành thị, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu Kinh tế - Xã hội đã đề ra. Điều quan trọng là các ngành phi nông nghiệp phải phù hợp với địa bàn như phục vụ đặc lực cho việc tham gia sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông lâm, thủy sản. Do vậy, cần tập trung vốn đầu tư cho công nghiệp chế biến, nhất là khâu đổi mới máy móc và thiết bị công nghệ mới hoặc các chương trình đưa công nghiệp về nông thôn hoặc phát triển ngành nghề nông thôn cần được xúc tiến để giúp người nông dân có thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp, đặc biệt trong thời kỳ nông nhàn do tính mùa vụ của sản xuất nông nghiệp.

CHƯƠNG 4. YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP VÀ ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

4.1. Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

4.1.1. Ma trận tương quan yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

4.1.2. Kết quả hồi qui yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Kết quả ước lượng các mô hình OLS, FEM, REM được thể hiện qua các (Phụ lục 4.3, 4.6 và 4.7). Để chọn ra mô hình tối ưu, luận án đã tiến hành kiểm tra các mô hình theo quy trình ước lượng và lựa chọn mô hình tối ưu đã được đề cập. Đối với mô hình OLS đã thử nghiệm (VIF) không có hiện tượng đa cộng tuyến (Phụ lục 4.4), nhưng có hiện tượng phương sai thay đổi ở mức có ý nghĩa thống kê 5% (Prob < 5%) (Phụ lục 4.5). Tiếp tục chạy mô hình FEM và thực hiện lựa chọn mô hình OLS hay FEM, kết quả nghiên cứu cho giá trị p_value của “F test that all $u_i = 0$ ” đều nhỏ hơn 1% nên mô hình FEM được lựa chọn (Phụ lục 4.6). Để lựa chọn mô hình FEM và REM, thực hiện kiểm định Hausman cho thấy rằng mô hình FEM tốt hơn mô hình REM (Phụ lục 4.8), đối với mô hình FEM sau khi kiểm định lại có hiện tượng phương sai thay đổi với mức ý nghĩa 5% (Prob < 5%) (Phụ lục 4.9). Để khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi, nghiên cứu sử dụng mô hình GLS. Do đó, kết quả ước lượng yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong nghiên cứu này được giải thích dựa trên mô hình cuối cùng GLS bảng 4.1.

Bảng 4.1. Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

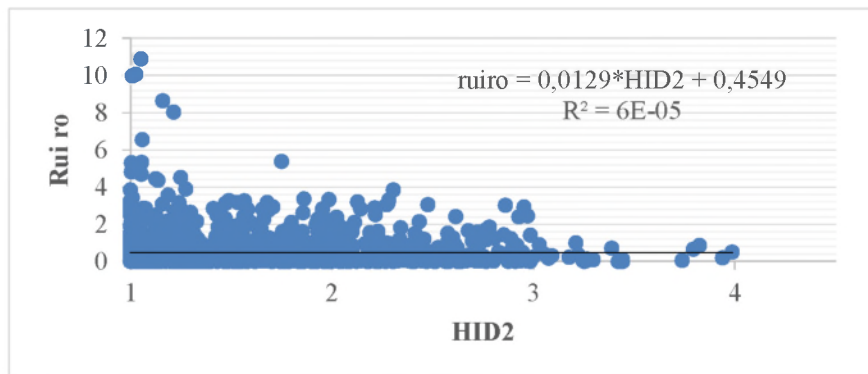
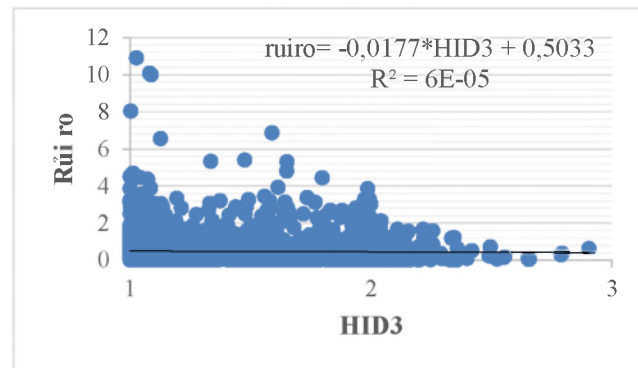
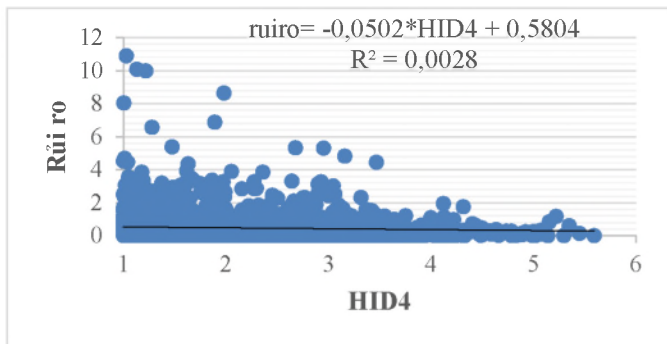
	OLS	FEM	REM	GLS
	<i>Beta</i>	<i>Beta</i>	<i>Beta</i>	<i>Beta</i>
Giới tính	0,012224***	-0,007121	0,009921*	0,009953***
Dân tộc	0,006071*	-0,037884	0,005902	0,006765***
Tôn giáo	-0,009305***	-0,007313	-0,008672**	-0,008987***
Trình độ học vấn chủ hộ	0,007088***	0,018202***	0,008596***	0,007602***
Quy mô nông hộ	0,009625**	0,000786	0,003471	0,009269***
Lao động nông nghiệp	0,000027	0,006262***	0,002256	-0,000036
Lao động làm thuê NN - PNN	0,000892	0,000503	0,000505	0,000860
Lao động tự kinh doanh PNN	0,011716***	0,012098***	0,011714***	0,008184***
Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp	0,015079***	0,089922***	0,026220***	0,016833***
Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	0,026914***	0,033884***	0,030541***	0,031567***
Quy mô vốn vay	0,004825*	0,005085	0,004675*	0,004959**
Giá trị tài sản	0,028294	0,022006***	0,026558***	0,027280***
Tiếp cận công nghệ	0,031780***	0,022524***	0,030998***	0,029963***
Tổ chức đoàn thể	0,002950	0,002376	0,002818	0,003820*
Khả năng học hỏi	0,039894***	0,045010***	0,041729***	0,041805***
HID4	0,003899*	0,003316	0,003219	0,004852***
HID3	-0,021172***	-0,024072***	-0,023782***	-0,022473***
HID2	0,009151***	0,021672***	0,016035***	0,015426***
Tung độ gốc	0,686417***	0,500278***	0,662224***	0,680699***
Số quan sát	1.810	1.810	1.810	1.810
R-squared (R^2)	0,472	0,411	0,3796	
Kiểm định phương sai thay đổi của mô hình OLS: Chi2(184) = 263,37; Prob > chi2 = 0,0001				
Kiểm định F test: F test that all $u_i = 0$; Prob > F = 0,0000				
Kiểm định Hausman: Chi2(18) = (b-B)'[(V b-V B)^(-1)](b-B) = 967,67; Prob>chi2 = 0,0000				
Kiểm định phương sai thay đổi của mô hình FEM: Chi2 (362) = 1,2e+05; Prob>chi2 = 0,0000				

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

4.2. Đa dạng hóa thu nhập ảnh hưởng rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

4.2.1. Mối quan hệ các chỉ số đa dạng hóa thu nhập đến rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



Đồ thị 4.1. Mối quan hệ đa dạng hóa thu nhập với rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

Thứ nhất, mối quan hệ đa dạng hóa thu nhập trong nội ngành cấp 4 (HID4) đến rủi ro thu nhập của nông hộ, thông qua đồ thị cho thấy, khi nông hộ chỉ có 1 nguồn thu nhập, ví như chỉ có 1 nguồn thu từ cây cà phê thì rủi ro về thu nhập của nông hộ rất cao. Tuy nhiên khi nông hộ có xu hướng tăng nguồn thu thì mức độ rủi ro thu nhập sẽ giảm xuống. Như vậy, thay vì chỉ tập trung vào một loại cây trồng hoặc loài vật nuôi, nông hộ có thể phát triển nhiều loại cây trồng, chăn nuôi các loài khác nhau. Điều này giúp giảm rủi ro và tăng khả năng chống chịu với biến đổi thời tiết, dịch bệnh hoặc sự biến đổi của thị trường.

Thứ hai, mối quan hệ đa dạng hóa thu nhập trong nội ngành nông nghiệp cấp 3 (HID3) đến rủi ro thu nhập của nông hộ, qua đồ thị cho thấy, khi nông hộ chỉ phụ thuộc vào một nguồn thu nhập từ trồng trọt hoặc chăn nuôi duy nhất, họ có thể gặp rủi ro cao hơn. Ví dụ, mất mùa hoặc dịch bệnh trong đàn gia súc có thể gây mất thu nhập lớn cho nông hộ. Đa dạng hóa thu nhập bằng cách tham gia vào các hoạt động khác nhau có thể giúp giảm rủi ro và tạo ra nguồn thu nhập ổn định hơn trong trường hợp một nguồn thu nhập bị ảnh hưởng.

Thứ ba, mối quan hệ đa dạng hóa thu nhập liên ngành theo hướng phi nông nghiệp (HID2) đến rủi ro thu nhập của nông hộ, qua đồ thị cho thấy, đa dạng hóa phi nông nghiệp có thể giúp giảm rủi ro thu nhập của nông hộ. Khi nông hộ chỉ phụ thuộc vào một nguồn thu nhập từ nông nghiệp, họ có thể chịu rủi ro cao khi gặp phải tác động tiêu cực từ thời tiết, dịch bệnh, hay biến đổi thị trường. Bằng cách đa dạng hóa và phát triển các nguồn thu nhập khác nhau, nông hộ có thể giảm thiểu tác động tiêu cực từ các yếu tố không lường trước được và tăng cường tính ổn định của thu nhập.

4.2.2. Kết quả hồi qui đa dạng hóa thu nhập ảnh hưởng rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Bảng 4.2. Kết quả hồi qui đa dạng hóa thu nhập ảnh hưởng đến rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Các biến quan sát	Rủi ro thu nhập của nông hộ (ruiro)
	Hệ số Beta
Chỉ số đa dạng hóa HID4	-0,0436*
Chỉ số đa dạng hóa HID3	0,0570
Chỉ số đa dạng hóa HID2	-0,0558**
Hằng số	0,4416***
Quan sát	1.810
Hệ số xác định R ² (R-squared)	0,004
Hệ số hiệu chỉnh R (Adj R-squared)	0,003
Mức ý nghĩa của kiểm định F (Prob > chi2)	0,0053
Thống kê đa cộng tuyến (VIF)	1,72
(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.	

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

Thông qua bước 1, trước khi tiến hành chạy mô hình hồi qui (Phụ lục 4.13), để đảm bảo kết quả của mô hình đáng tin cậy vấn đề đa cộng tuyến trong mô hình phải được giải quyết. Nghiên cứu sử dụng ma trận hệ số tương quan và kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến của mô hình. Kết quả kiểm tra ma trận hệ số tương quan trong (Phụ lục 4.12) và hiện tượng đa cộng tuyến ở (Phụ lục 4.14) cho thấy hệ số tương quan của các cặp biến giải thích trong mô hình < 0,8 và hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều nhỏ hơn 10 nên ta có thể kết luận vấn đề đa cộng tuyến trong mô hình không gây ra các hậu quả nghiêm trọng và kết quả ước lượng của các hệ số hồi quy là đáng tin cậy (Đinh Phi Hồ, 2014). Nghiên cứu tiếp tục tính toán rủi ro thu nhập của nông hộ thông qua biến động phần dư (Rủi ro thu nhập của nông hộ) và tiếp tục thực hiện bước 2 (Phụ lục 4.15), nghiên cứu tiếp tục thực hiện bước 3 và thu được kết quả hồi quy được thể hiện như sau:

Kết quả hồi quy bảng 4.2 cho thấy, đối với rủi ro thu nhập với mức ý nghĩa thống kê 1% và 5% các chỉ số đa dạng hóa thu nhập (HID4 và HID3) có tương quan và ý nghĩa thống kê với rủi ro thu nhập của nông hộ. Kết quả của nghiên cứu này đã cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về đa dạng hóa thu nhập làm tăng/giảm rủi ro thu nhập của nông hộ, đây cũng chính là lý do nông hộ đa dạng hóa nguồn thu để ứng phó với rủi ro thu nhập. Chính vì vậy lựa chọn chiến lược đa dạng hóa sinh kế trong ngắn hạn hay dài hạn như thế nào để giảm thiểu rủi ro thu nhập cũng là một vấn đề lớn mà các nông hộ cần quan tâm, vì nó không chỉ giảm thiểu rủi ro mà vẫn làm tăng thu nhập của nông hộ.

4.3. Yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk
Bảng 4.3. Một số đặc điểm về chỉ số đa dạng hóa và thu nhập nông nghiệp của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Tên biến	Loại biến/Đơn vị tính	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
SID4	Liên tục	0,412	0,240	0	0,821
SID3	Liên tục	0,257	0,191	0	0,656
SID2	Liên tục	0,268	0,215	0	0,749
Tổng thu nhập nông nghiệp	Triệu đồng/hộ/năm	113,031	134,696	10,080	2.651,87

Nguồn: Dữ liệu TVSET và tính toán của tác giả.

Qua bảng 4.3 về một số đặc điểm chỉ số đa dạng hóa và thu nhập nông nghiệp của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, các chỉ số đa dạng hóa càng lớn chứng tỏ nông hộ càng đa dạng hóa hoạt động tạo ra thu nhập, cụ thể chỉ số SID4 trung bình 0,412, SID3 trung bình 0,257 và SID2 trung bình 0,268. Thu nhập nông nghiệp trung bình của nông hộ 113,031 (triệu đồng/hộ/năm), thu nhập thấp nhất là 10,080 (triệu đồng/hộ/năm) và cao nhất là 2.651,87 (triệu đồng/hộ/năm).

Bảng 4.4 trình bày kết quả hồi qui yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk với mô hình Tobit với các mức ý nghĩa thống kê cho phép 10%, 5% và 1%, cụ thể như sau:

- Nhóm vốn con người:
- Nhóm vốn tài chính:
- Nhóm vốn tự nhiên:
- Nhóm vốn vật chất:
- Nhóm vốn xã hội:

Bảng 4.4. Kết quả hồi qui yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ số đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Tên biến	SID4	SID3	SID2
	Hệ số Beta	Hệ số Beta	Hệ số Beta
Giới tính	0,0097	0,0155	-0,0017
Dân tộc	-0,0250*	-0,0354***	-0,0229*
Tôn giáo	-0,0018	0,0149	0,0205
Trình độ học vấn chủ hộ	0,0026	0,0057	0,0177*
Quy mô nông hộ	-0,0310	-0,0088	0,0184
Lao động nông nghiệp	0,0117**	0,00329	-0,0314***
Lao động làm thuê NN - PNN	0,0172***	0,0232***	0,0758***
Lao động tự kinh doanh PNN	0,0499***	0,0468***	0,1526***
Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp	-0,0053	0,0205	0,1092***
Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	-0,0452***	-0,0658***	-0,0479***
Quy mô vốn vay	1,7235	1,4389*	1,2192
Giá trị tài sản	-69,5999***	-60,789***	-2,9893
Tiếp cận công nghệ	-0,0454***	-0,0333*	0,0162
Tổ chức đoàn thể	0,0424***	0,0268*	0,0310**
Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật	-0,0348**	-0,0507***	0,0053

Tên biến	SID4	SID3	SID2
	Hệ số Beta	Hệ số Beta	Hệ số Beta
Tổng thu nhập nông nghiệp	0,0529***	0,0480***	---
Tung độ gốc	0,2202**	-0,029	0,2010*
Số quan sát	1.095	1.095	1.277
Pseudo R2	-2,3246	-0,7513	1,0580
Log likelihood	244,53305	564,42335	12,176554
LR chi2(16)	341,96	484,28	---
LR chi2(15)	---	---	445,10
Prob > chi2	0,0000	0,0000	0,0000
Kiểm tra đa cộng tuyến (Mean VIF)	1,21	1,21	1,20

(*), (**) và (***) mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Dữ liệu TVSEP và tính toán của tác giả.

Tóm lại, để thúc đẩy nông hộ đến hoạt động phi nông nghiệp cần phải chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục cho lực lượng lao động, không ngừng học hỏi để tiếp cận được với lĩnh vực công nghệ thông tin vốn đây là thế yếu của nông hộ. Việc tham gia và sinh hoạt cùng với các tổ chức (Hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh) cũng giúp nông hộ đa dạng hóa hoạt động phi nông nghiệp của hộ. Mặt khác, các nông hộ hướng đến hoạt động phi nông nghiệp là một cấu phần quan trọng của đời sống nông thôn Việt Nam nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Điều này đặc biệt đúng trong bối cảnh quá trình chuyển dịch cấu trúc đang diễn ra và sự dịch chuyển lao động và các nguồn lực khỏi lĩnh vực nông nghiệp. Trong khi đóng góp từ hoạt động phi nông nghiệp của nông hộ tới thu nhập của các hộ ở nông thôn Việt Nam nói chung và nông hộ Đắk Lắk nói riêng vẫn còn tương đối nhỏ và nhiều hạn chế.

CHƯƠNG 5. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH NHẪM CẢI THIẾN THU NHẬP THÔNG QUA CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

5.1. Cơ sở đề xuất các khuyến nghị chính sách

5.1.1. Căn cứ vào các mục tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Đắk Lắk

5.1.2. Định hướng phát triển ngành nông, lâm, thủy sản và ngành nghề nông thôn

5.1.2.1. Định hướng phát triển ngành nông nghiệp

a. Đối với lĩnh vực trồng trọt

b. Đối với lĩnh vực chăn nuôi

5.1.2.2. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp

5.1.2.3. Đối với lĩnh vực thủy sản

5.1.2.4. Phát triển lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp

5.1.2.5. Phát triển ngành nghề nông thôn

5.2. Một số khuyến nghị về chính sách

5.2.1. Đa dạng hóa thu nhập

5.2.1.1. Đa dạng hóa thu nhập trong nội ngành

- Kết quả hồi qui cho thấy, nông hộ đa dạng hóa nguồn thu trong nội ngành cấp 4 trồng trọt hoặc chăn nuôi làm tăng thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (0,005%). Vì vậy để nâng cao thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh cần phải tập trung giải quyết các nội dung sau:

+ Cần hỗ trợ nông hộ tập trung vào các loại cây/con cho năng suất hoặc khi muốn chuyển đổi cây trồng hoặc vật nuôi để thay thế cây/con cũ cần lựa chọn giống cây trồng vật nuôi cho

năng suất cao, có khả năng chịu hạn tốt, phù hợp với các điều kiện hiện tại của hộ. Tuy nhiên cũng không tự ý chuyển đổi một cách ồ ạt, cần phải theo định hướng của chính quyền địa phương và thăm dò thông tin thị trường như đầu ra của sản phẩm, giá,...

+ Định hướng cho nông hộ nên kết hợp mô hình trồng xen cây lâu năm với cây ăn quả ví như cà phê với sầu riêng hoặc tiêu với mắc ca,... hoặc mô hình trồng nấm linh chi dưới tán cây cao su, những mô hình này đang có xu hướng nổi trội trên địa bàn tỉnh được các nhà khoa học khuyến khích vì nó giúp tạo cây tre bóng và mang lại hiệu quả kinh tế cho nông hộ.

Như vậy, chính quyền địa phương cần có định hướng những cây/con có giá trị kinh tế cao cho người dân tham khảo, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi cần chú ý đến tập quán canh tác của nông hộ, điều kiện khí hậu và đặc biệt là nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, công tác quy hoạch sản xuất cây/con mũi nhọn của địa phương cũng cần phải được tính đến.

- Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tăng số nguồn thu trong nội ngành cấp 4 (HID4) và liên ngành cấp 2 (HID2) làm giảm thiểu rủi ro thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (0,0436%) và (0,0558%). Với kết quả nghiên cứu trên, nghiên cứu góp phần bổ sung thêm bằng chứng thực nghiệm đa dạng hóa nguồn thu nhập làm giảm thiểu rủi ro thu nhập của nông hộ. Như vậy, đa dạng hóa thu nhập trong nội ngành cấp 4 và liên ngành cấp 2 là một chiến lược quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro và tăng cường ổn định thu nhập của nông hộ. Dựa trên kết quả nghiên cứu, luận án đưa ra một số khuyến nghị về mặt chính sách giúp nông hộ có thể quản lý được rủi ro thu nhập, để làm điều này cần chú trọng các khía cạnh sau:

+ Khuyến khích đào tạo và đổi mới công nghệ, Chính phủ có thể đầu tư vào đào tạo và đổi mới công nghệ trong ngành nông nghiệp để nâng cao năng lực quản lý của nông dân và cải tiến phương pháp canh tác. Các công nghệ mới giúp tăng năng suất và hiệu quả sản xuất, làm giảm rủi ro và tăng thu nhập.

+ Đầu tư vào hạ tầng nông nghiệp, xây dựng và cải tạo hạ tầng nông nghiệp, như hệ thống tưới tiêu, đường giao thông nông thôn và cơ sở hạ tầng, giúp cải thiện điều kiện sản xuất và tiếp cận thị trường. Điều này giúp tăng cơ hội tiếp cận các nguồn thu nhập khác nhau và giảm thiểu tác động của rủi ro kinh tế.

+ Khuyến khích đầu tư vào các ngành nghề kinh doanh liên quan, thúc đẩy các hoạt động kinh doanh liên quan đến nông nghiệp, chẳng hạn như chế biến nông sản, gia công, du lịch sinh thái nông nghiệp nông thôn, hay các ngành nghề hỗ trợ nông nghiệp khác, giúp nông hộ tạo ra nguồn thu nhập phụ và giảm sự phụ thuộc vào một nguồn thu nhập chính.

+ Hỗ trợ phát triển thị trường và tiếp thị, Chính phủ có thể cung cấp hỗ trợ về tiếp thị và phát triển thị trường, giúp nông hộ tiếp cận các thị trường tiềm năng và giảm tác động của thay đổi thị trường đối với thu nhập.

+ Bảo hiểm nông nghiệp, xây dựng các chương trình bảo hiểm nông nghiệp hỗ trợ nông hộ chống lại các rủi ro tự nhiên và kinh tế. Bảo hiểm nông nghiệp giúp bảo vệ thu nhập của nông hộ khỏi những tác động tiêu cực của thiên tai, dịch bệnh hoặc thất thoát sản phẩm. Tăng cường các hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản nhằm giảm rủi ro thu nhập cho nông hộ.

+ Hỗ trợ về tài chính, cung cấp hỗ trợ tài chính như vay vốn với lãi suất ưu đãi, giúp nông hộ đầu tư vào các hoạt động đa dạng hóa thu nhập mới.

Như vậy, chính sách đa dạng hóa nguồn thu nhập trong nội ngành cấp 4 không chỉ giúp nâng cao thu nhập của nông hộ mà còn giảm thiểu rủi ro kinh tế. Chính phủ và các bên

liên quan nên hỗ trợ và khuyến khích các hoạt động đa dạng hóa nguồn thu nhập để thúc đẩy sự phát triển bền vững trong ngành nông nghiệp. Phía nông hộ cần lựa chọn chiến lược đa dạng hóa thu nhập phù hợp với đặc điểm của hộ và vùng, cũng như tìm cách đề ứng phó với các biến đổi của thiên tai, dịch bệnh và các tác nhân bên ngoài để giảm thiểu rủi ro thu nhập góp phần phát triển kinh tế nông hộ bền vững.

5.2.1.2. Đa dạng hóa thu nhập theo hướng phi nông nghiệp

Kết quả hồi qui cho thấy, nông hộ đa dạng hóa nguồn thu liên ngành theo hướng phi nông nghiệp và lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp làm tăng thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (0,015% và 0,818%). Như vậy, muốn thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế phi nông nghiệp gắn với nông thôn, luận án cho rằng phát triển ngành nghề hoặc đưa công nghiệp vào nông thôn là rất quan trọng, sẽ góp phần giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận người dân, giúp giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập cho người lao động nông thôn, góp phần nâng cao đời sống, phát triển du lịch địa phương dựa trên các giá trị văn hóa truyền thống, ổn định an ninh trật tự và xã hội trên địa bàn, đặc biệt góp phần giải quyết được lực lượng lao động nhàn rỗi trong lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên để làm được điều đó cần tập trung giải vào một số nội dung sau:

- + Cần tuyên truyền nâng cao nhận thức của các nông hộ về phát triển ngành nghề nông thôn ví như: Tổ chức và tham gia các hội chợ về ngành nghề, làng nghề nông thôn cho các cơ sở sản xuất, làng nghề, sản phẩm ngành nghề nông thôn để tuyên truyền, quảng bá sản phẩm tiêu thụ sản phẩm đến thị trường trong và ngoài nước,... Tổ chức các hoạt động nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống mang tính đặc trưng, làng nghề gắn với hoạt động du lịch. Giới thiệu các mô hình, hoạt động ngành nghề nông thôn mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo công ăn việc làm cho lao động nông thôn, thân thiện với môi trường,...

- + Cần xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, để có thể chuyển lực lượng lao động nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp đòi hỏi thời gian cũng như kỹ năng cần có của lực lượng lao động. Chính vì vậy cần phải tiếp tục triển khai có hiệu quả việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó chú trọng công tác đào tạo tay nghề tại các làng nghề, làng nghề truyền thống, phương pháp đào tạo có thể theo gia tộc, cha truyền con nối, theo làng xóm, nghiên cứu phục hồi những bí quyết nghề nghiệp đã bị thất truyền,... Vận động lao động nông thôn tham gia học nghề ở các cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ kinh phí đào tạo theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 quy định về mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- + Thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong phát triển ngành nghề nông thôn, mở các lớp đào tạo nghề, nhằm nâng cao trình độ văn hoá, công nghệ và tay nghề cho người lao động để người lao động nắm bắt kịp thời các công nghệ mới từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra sức cạnh tranh trên thị trường. Cần tăng cường mối liên kết, hợp tác giữa các trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học đóng trên địa bàn tỉnh với địa phương, đơn vị của tỉnh trong nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn có yếu tố ứng dụng công nghệ cao.

- + Thúc đẩy liên doanh, liên kết và xúc tiến thương mại trong phát triển ngành nghề nông thôn, nâng cao năng lực cho HTX và doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức, cá nhân tham gia vào phát triển ngành nghề nông thôn của tỉnh. Ngoài ra, cần phải nâng cao vai trò quản lý Nhà nước, quản lý sản xuất kinh doanh các ngành nghề nông thôn.

5.2.2. Giáo dục

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trình độ học vấn của chủ hộ tăng lên 1 cấp thì thu nhập của nông hộ tăng (0,008 lần) và trình độ học vấn tác động đến chiến lược đa dạng hóa thu nhập theo hướng phi nông nghiệp (0,0177 lần), vốn dĩ lĩnh vực này đòi hỏi người lao động phải có các kỹ năng hay trình độ tay nghề mới tham gia được. Vì thế chính quyền địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn như mở lớp đào tạo ngắn hạn về kỹ thuật chăm sóc cà phê, tiêu, lúa, ngô, heo, bò,... tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, nông dân sản xuất giỏi. Như vậy để làm được những việc này, địa phương cần có chính sách mang tính khuyến khích, hỗ trợ để người dân tham gia như giảm chi phí khi học, dự hội thảo được phát tiền, phát quà. Kết quả khảo sát cho thấy độ tuổi trung bình của hộ là khá cao (49,7 tuổi), như vậy việc đến lớp học sẽ khó khăn và trở ngại, cần tổ chức lớp học ngay trên rẫy hoặc tại chuồng trại của người dân, nội dung chương trình học nên thiết kế thiên về thực hành, thực tế thay vì chỉ giảng dạy lý thuyết.

5.2.3. Khuyến nông

Kết quả hồi quy cho thấy, khả năng học hỏi hay khả năng bắt chước nhau và tham gia tổ chức đoàn thể làm tăng thu nhập của nông hộ tăng lần lượt là (0,042% và 0,004%). Vì vậy, các nhà hoạch định chính sách nên thực hiện các chương trình khuyến nông để tạo điều kiện chia sẻ kinh nghiệm giữa nông dân với nông dân, thực hiện các chương trình như: Tuyên dương và nêu gương những hộ nông dân có kết quả sản xuất kinh doanh giỏi trong năm hay những mô hình kinh doanh hay và hiệu quả,... Cần có những chính sách cụ thể hơn nữa để động viên nông hộ (Ví như lực lượng lao động trẻ như thanh niên) tham gia thi đua, lao động sáng tạo, làm kinh tế giỏi, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, khuyến khích hỗ trợ như: Thanh niên nông thôn khởi nghiệp, nhân rộng các mô hình sáng tạo, hiệu quả. Ngoài ra, cần triển khai các lớp tập huấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho nông hộ cụ thể như (Giúp nông hộ biết cách xây dựng kế hoạch sản xuất, phương án sản xuất và tiếp cận thị trường, biết cách quản lý thu/chí, phân tích các nguồn vốn, nguồn lực sản xuất, cùng nhau tổ chức sản xuất, tổ chức tốt sẽ tạo ra sản phẩm tốt, chất lượng tốt,...).

5.2.4. Tín dụng

Kết quả nghiên cứu cho thấy, vốn tín dụng làm tăng thu nhập của nông hộ lên (0,005%), vốn là đầu vào quan trọng của quá trình sản xuất, do đó cần có giải pháp về vốn tín dụng và cần tập trung vào các nội dung sau: Nhà nước cần tập trung vốn cho vùng cao thông qua các chương trình, dự án cụ thể, ưu tiên tập trung cho chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi và cơ cấu kinh tế nông nghiệp phát triển nông thôn. Tăng cường khuyến nông, khuyến lâm phát triển kinh tế trang trại và khai thác các tài nguyên khác của vùng một cách hợp lý. Cần có một cơ chế cho các nông hộ vay vốn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, cụ thể phải là:

Cho vay đúng đối tượng: Đó là những đối tượng phải có nhu cầu thực sự để phát triển sản xuất, kiểm soát việc sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả, đặc biệt ưu tiên cho các hộ nghèo, tập trung chủ yếu ở các xã vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc tại chỗ như huyện Ea Sup, huyện M'Drak, huyện Lắc và một số huyện khác trên địa bàn tỉnh.

Áp dụng những hình thức thế chấp và lãi suất phù hợp: Đối với những hộ giàu và trung bình cần có tài sản thế chấp hoặc vật tư đảm bảo một cách phù hợp, đối với nhóm hộ

nghèo cần thực hiện chế độ tín dụng tài trợ, sử dụng hình thức cho vay thông qua các hội như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân,... và cần có sự ưu đãi về lãi suất cho các nông hộ trong nhóm đối tượng này.

Tăng nguồn vốn cho vay: Phát triển mạnh mẽ hơn nữa quy trình cho vay đối với các hộ nông dân của Ngân hàng NN&PT Nông thôn và Ngân hàng CSXH. Cùng cố và phát triển các hợp tác xã tín dụng, tăng cường vốn vay dài hạn và trung hạn thông qua các chương trình phát triển kinh tế.

Cần có sự *phối hợp* với chính quyền địa phương tổ chức buổi đào tạo hướng dẫn và giúp đỡ các nông hộ sử dụng vốn vay có hiệu quả, với một mức vốn vay cụ thể đối với từng loại hộ mới mang lại hiệu quả tối ưu.

Ưu tiên vốn cho phát triển một cách có trọng điểm, căn cứ vào đặc điểm tự nhiên, Kinh tế - Xã hội và kế hoạch dài hạn của địa phương.

5.2.5. Đất đai

Kết quả nghiên cứu cho thấy, diện tích đất sản xuất nông nghiệp làm thu nhập của nông hộ tăng lên (0,032%). Chúng ta đã biết tầm quan trọng của đất sản xuất nông nghiệp như, việc mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp cho phép nông hộ trồng thêm nhiều cây trồng hoặc chăn nuôi thêm đàn gia súc, gia cầm góp phần tạo điều kiện tăng năng suất và tăng sản lượng nông sản. Tuy nhiên, cũng không phải nông hộ nào cũng có khả năng tăng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, để làm được điều đó cần tập trung vào các khía cạnh sau:

Đối với hộ có điều kiện về kinh tế nên mở rộng diện tích đất bằng cách mua hoặc thuê thêm đất để sản xuất. Ngoài ra cũng cần phải chú trọng phát triển theo chiều sâu, tăng năng suất đất đai (Tăng hệ số gieo trồng, trồng các loại cây ngắn ngày nhanh cho sản phẩm, nhằm đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi,...), cải tạo đất, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất góp phần vào tăng thêm thu nhập cho nông hộ.

Việc mở rộng thêm đất hoặc thuê đất để sản xuất sẽ khó thực hiện đối với hộ nghèo những hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Mặt khác, theo số liệu tính còn khoảng 16.236 ha đất chưa sử dụng, trong đó có đất bằng 804 ha và đất đồi núi 15.432 ha (Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk, 2023). Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng trích từ nguồn đất cho hộ dân. Nếu làm thế, không lấy đất ở đâu cho đủ cấp phát. Thay vào đó, Chính quyền địa phương cần tính toán phát triển theo chiều sâu để tăng năng suất đất đai như: Tăng hệ số gieo trồng, trồng các loại cây ngắn ngày nhanh cho sản phẩm, nhằm đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, cải tạo đất,... Để làm được điều trên ngoài sự nỗ lực của hộ gia đình, chính quyền địa phương cần có chính sách, biện pháp cụ thể để hỗ trợ người dân góp phần ổn định cuộc sống và tăng thêm thu nhập.

Ngoài ra, tỉnh Đắk Lắk đang triển khai một chuỗi chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và quản lý tài nguyên trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó, có sự tập trung đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng cơ sở, đặc biệt là cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, nhằm tối ưu hóa quá trình quản lý nhà nước liên quan đến tài nguyên tự nhiên, đặc biệt là đất đai. Chính sách này nhằm mục tiêu tăng cường kết nối giữa các cơ quan và đơn vị chức năng như sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã, từ đó nâng cao hiệu suất trong quản lý.

Đồng thời, tỉnh Đắk Lắk cần thực hiện các biện pháp chặt chẽ nhằm kiểm soát và xử lý các vi phạm liên quan đến đất đai. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về đất đai được đẩy mạnh, đảm bảo tính chất bền vững của sử dụng đất. Ngoài ra, việc siết chặt quản lý xây dựng và đầu tư là một phần quan trọng của chiến lược này, nhằm ngăn chặn tình trạng vi

phạm quy hoạch và đảm bảo tính đồng bộ và bền vững của phát triển đô thị và nông thôn.

Hướng tiếp cận chuyển đổi số cũng được ưu tiên, với việc ứng dụng công nghệ số vào quy hoạch sử dụng đất. Thiết lập hệ thống đăng ký và số hóa đất đai không chỉ giúp nâng cao khả năng theo dõi và quản lý, mà còn tạo ra sự minh bạch và hiệu quả trong quá trình sử dụng tài nguyên đất đai. Những chính sách này đều nhằm mục tiêu xây dựng một cộng đồng nông dân hiện đại, bền vững và đóng góp vào sự phồn thịnh của kinh tế nông nghiệp.

5.2.6. Công nghệ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tiếp cận công nghệ của nông hộ làm thu nhập của nông hộ sẽ tăng lên (0,03 lần) so với chủ hộ không tiếp cận công nghệ. Trong những năm gần đây giá sản phẩm nông sản biến động liên tục. Vì vậy, việc hiểu biết và sử dụng công nghệ để tìm hiểu về các thông tin thị trường giúp nông hộ có thể chọn được mức giá bán sản phẩm của mình được cao nhất góp phần nâng cao thu nhập của nông hộ. Đặc biệt trong xu thế hội nhập hiện nay đòi hỏi người nông dân cần phải thường xuyên cập nhật thông tin diễn biến của thị trường. Với xu thế hội nhập, nông nghiệp sẽ là lĩnh vực chịu nhiều tác động mạnh mẽ của thị trường. Trong đó nhiều ngành, hàng ở vào thế yếu, kém cạnh tranh như chăn nuôi. Cơ hội sẽ đi liền với thách thức, điều đó lại đặt gánh nặng lên vai của nông hộ, đòi hỏi nông hộ phải thích ứng với thị trường. Để làm được điều đó bản thân các nông hộ cần phải nỗ lực hơn nữa trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của mình, thường xuyên cập nhật thông tin thị trường (Giá cả, chính sách, lãi suất,...) thông qua các kênh thông tin như đài, tivi, báo, các mạng xã hội,... Chính vì vậy, chính quyền địa phương cần đưa ra các giải pháp giúp hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là phát triển hệ thống internet. Cần xây dựng các điểm thông tin khoa học, công nghệ, thị trường,... trên địa bàn cấp xã để giúp người dân nông thôn tiếp cận nhanh với các thông tin cần thiết.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Luận án đã làm rõ được cơ sở lý luận về thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, những yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và đa dạng hóa thu nhập của nông hộ. Qua nghiên cứu tổng quan tài liệu trong, ngoài nước và kinh nghiệm của một số quốc gia nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ, luận án đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm cho tỉnh Đắk Lắk nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ thông qua chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ.

- Luận án tìm thấy mối quan hệ hai chiều giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập được tồn tại, mối quan hệ nhân quả được phân tích giữa các biến bằng cách sử dụng kiểm định nhân quả được phát triển bởi Lopez & Weber (2017), với bộ số liệu bảng của tổ chức TVSEP, cụ thể:

- + Luận án xây dựng được quy trình phân tích mối quan hệ nhân quả giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập thông qua bộ dữ liệu bảng TVSEP. Nghiên cứu còn áp dụng một phương pháp mới đáng chú ý để kiểm định mối quan hệ nhân quả khi sử dụng dữ liệu bảng mà các nghiên cứu trước đây đã bỏ qua. Phương pháp này đòi hỏi việc kiểm tra sự phụ thuộc chéo trong dữ liệu, cũng như kiểm tra tính dừng của các biến đối với dữ liệu bảng.

- + Kết quả phân tích cho thấy mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa thu nhập và đa dạng hóa thu nhập trong nội ngành cấp 4 (HID4) trồng trọt hoặc chăn nuôi và nội ngành nông nghiệp cấp 3 (HID3) ngành trồng trọt và chăn nuôi tồn tại mối quan hệ;

+ Kết quả nghiên cứu chỉ tìm thấy mối quan hệ một chiều là đa dạng hóa thu nhập qua liên ngành cấp 2 (HID2) lĩnh vực phi nông nghiệp đến thu nhập và không có chiều ngược lại.

- Luận án xây dựng được quy trình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thông qua bộ dữ liệu bảng TVSEP. Kết quả nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn được xác định thông qua mô hình cuối cùng GLS, nghiên cứu cho thấy những yếu tố ảnh hưởng làm tăng/giảm thu nhập của nông hộ, cụ thể:

+ Những yếu tố như giới tính (0,01 lần), dân tộc (0,007 lần), trình độ học vấn (0,008 lần), quy mô hộ (0,009%), lao động tự kinh doanh phi nông nghiệp (0,818%), kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp (0,017%), diện tích đất sản xuất nông nghiệp (0,032%), quy mô vốn vay (0,005%), giá trị tài sản (0,027%), tiếp cận công nghệ (0,03 lần), tổ chức đoàn thể (0,004%), Hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật (0,042%), chỉ số đa dạng hóa thu nhập trong nội ngành cấp 4 (HID4) là (0,005%), chỉ số đa dạng hóa thu nhập theo hướng phi nông nghiệp theo ngành cấp 2 (HID2) là (0,015%) làm tăng thu nhập nông hộ;

+ Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố như biến tôn giáo (0,009 lần), chỉ số đa dạng hóa theo ngành nông nghiệp cấp 3 (HID3) làm giảm thu nhập nông hộ là (0,022%). Các nhân tố như (Lao động nông nghiệp, lao động làm thuê nông nghiệp - phi nông nghiệp) nghiên cứu đã không thấy được sự ảnh hưởng tới thu nhập của nông hộ. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là phải tìm hiểu những nguyên nhân sâu xa hơn đối với nông hộ nơi đây ví như, thay vì chỉ quan tâm đến số lượng lao động cần phải xem xét đến chất lượng lao động (Trình độ học vấn, tay nghề,...).

- Kết quả nghiên cứu còn cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm khi nông hộ đa dạng hóa nguồn thu trong nội ngành cấp 4 (HID4) gồm trồng trọt hoặc chăn nuôi và chỉ số đa dạng hóa thu nhập liên ngành cấp 2 (HID2) theo hướng phi nông nghiệp giúp nông hộ giảm thiểu được rủi ro thu nhập (0,0436%) và (0,0558%), đây là cơ sở để các nông hộ cần nghiên cứu và lựa chọn chiến lược đa dạng hóa nguồn thu của nông hộ để giảm thiểu rủi ro mà vẫn đảm bảo và nâng cao được nguồn thu nhập và cải thiện mức sống.

- Luận án cho thấy yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược lựa chọn đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được xác định, thông qua các phương pháp phân tích định lượng và sử dụng mô hình Tobit để phân tích, cụ thể:

+ Các yếu tố thuộc các nhóm (Vốn con người, vốn tài chính, vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn xã hội) đều tác động đến chiến lược đa dạng hóa thu nhập của nông hộ trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Các yếu tố thuộc lao động nông nghiệp, các lao động có kỹ năng, kinh nghiệm và trình độ học vấn chủ hộ, quy mô vốn vay, tham gia tổ chức đoàn thể và khả năng tiếp cận công nghệ là những yếu tố tác động và làm tăng chiến lược đa dạng hóa thu nhập nông hộ trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp;

+ Ngoài ra, các yếu tố dân tộc, lao động nông nghiệp, diện tích đất sản xuất nông nghiệp, giá trị tài sản, tiếp cận công nghệ và hệ số thay đổi hiệu quả kỹ thuật có tác động và làm giảm đa dạng hóa thu nhập nông hộ trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy những yếu tố ảnh hưởng làm tăng/giảm chỉ số đo lường đa dạng hóa nguồn thu nhập của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Nhà nước

- Nhà nước ban hành các chủ trương, cơ chế, chính sách góp phần hỗ trợ nông dân trong phát triển sản xuất trong bối cảnh nước ta đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó chú ý đào tạo nghề mới cho người dân, giúp người dân có điều kiện chuyển đổi sang nghề mới một cách hiệu quả, bền vững, tạo việc làm, tăng thêm nguồn thu và góp phần tăng thu nhập cho người dân.

- Hỗ trợ nâng cao trình độ văn hóa, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Nâng cao năng lực hoạt động của hội nông dân và các hiệp hội ngành hàng.

- Hoàn thiện quy hoạch phát triển nông nghiệp, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại, thực hiện biện pháp bình ổn giá đối với một số yếu tố đầu vào và đầu ra của sản phẩm nông nghiệp.

2.2. Đối với tỉnh Đắk Lắk, các bộ ngành

- Tiếp tục nghiên cứu các chủ trương chính sách hỗ trợ, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề cho nông dân để nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn.

- Chú trọng những sản phẩm có giá trị cao và có tiềm năng xuất khẩu, chú trọng hơn nữa về chính sách tín dụng để giúp đỡ những nhóm hộ là người dân tộc thiểu số và theo tôn giáo, khuyến khích nông hộ tham gia vào các tổ chức như (Hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh) để cùng nhau học hỏi trao đổi kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- Chú trọng tới hoạt động hỗ trợ, tạo mối liên kết giữa nông hộ với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành nghề,... trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan cần tiến hành khảo sát, điều tra sớm hoàn thành công tác quy hoạch đất, đặc biệt là quy hoạch đất cấp xã, xác định các nguồn lực: Đất, nước,... của từng loại hộ nông dân để có hướng dẫn về chế độ đầu tư cụ thể. Nhanh chóng hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài cho các hộ nông dân, tạo điều kiện cho hộ nông dân tự chủ, yên tâm đầu tư và phát triển lâu dài.

- Xây dựng hệ thống thông tin, dịch vụ trong khuyến nông nhằm cung cấp thông tin thường xuyên về thị trường, để người dân chủ động hơn trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Chính quyền địa phương cần quan tâm hơn nữa đối với chính sách hỗ trợ người đồng bào dân tộc thiểu số, những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Tạo điều kiện khôi phục và phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống khu vực nông thôn, phát triển hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cần tạo việc làm cho khu vực nông thôn thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa hướng tới những hoạt động phi nông nghiệp.

- Nghiên cứu các chủ trương chính sách hỗ trợ, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho nông dân để nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn.

- Chủ động liên kết với các trung tâm nghiên cứu, các viện, các doanh nghiệp phối

hợp chuyển giao ứng dụng sử dụng các chế phẩm sinh học trong trồng trọt, chăn nuôi đem lại hiệu quả kinh tế cao, gắn phát triển sản xuất theo hướng bền vững với bảo vệ môi trường, đưa các giống cây, con năng suất, chất lượng cao vào sản xuất.

Hạn chế nghiên cứu và định hướng nghiên cứu tiếp theo:

Hạn chế nghiên cứu: Tính thời điểm tác giả thực hiện nghiên cứu luận án, bộ số liệu bảng của tổ chức TVSEP mới có từ giai đoạn từ năm 2007-2017. Do đó, có một số yếu tố chưa thể hiện năng lực nông hộ, tài sản công mà hộ được thụ hưởng, tính thời vụ, các thể chế, chính sách,...

Hướng nghiên cứu tiếp theo: Tiếp tục sử dụng dữ liệu bảng có thời gian dài để chứng minh thêm về mối quan hệ nhân quả cho 2 chỉ tiêu thu nhập và đa dạng hóa thu nhập để bổ sung cho nghiên cứu thực nghiệm và đóng góp vào cơ sở lý thuyết; Tiếp tục cập nhật dữ liệu bảng gần thời gian nghiên cứu nhất về các loại hình đa dạng hóa thu nhập, tìm ra mô hình đa dạng hóa thu nhập phù hợp nhất đối với địa bàn sẽ nghiên cứu, giúp giảm thiểu rủi ro thu nhập của nông hộ đối với các địa bàn có điều kiện Kinh tế - Xã hội tương đồng, góp phần bổ sung thêm các bằng chứng thực nghiệm đa dạng hóa thu nhập ảnh hưởng đến rủi ro thu nhập của nông hộ.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

I. Tạp chí

1. **Nguyễn Đức Quyền** (2022), “Tổng quan nghiên cứu về đa dạng hóa thu nhập của nông hộ”, *Tạp chí khoa học Trường đại học Tây Nguyên*, 53(4), 83-91.
2. **Nguyễn Đức Quyền**, Lê Đức Niêm (2023), “Thu nhập và đa dạng thu nhập của nông hộ: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Đắk Lắk”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 314, 46-56.
3. **Nguyễn Đức Quyền**, Lê Đức Niêm (2023), “Các yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa sinh kế của nông hộ: nghiên cứu trường hợp tỉnh Đắk Lắk”, *Tạp chí nghiên cứu kinh tế*, 10(545), 31-45.
4. Lê Đức Niêm, Võ Xuân Hội, **Nguyễn Đức Quyền** (2023), “Vai trò của tín dụng đối với sản xuất của nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 307(1), 85-92.
5. Lê Đức Niêm, **Nguyễn Đức Quyền**, Trần Mạnh Hùng (2022), “Tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất cà phê của các nông hộ: nghiên cứu trường hợp tỉnh Đắk Lắk”, *Tạp chí Công thương*, 19(8), 261-267.
6. Hoi V. X., **Quyên N. D.**, Xuan D. T. T., Tan B. N., Thao N. T. P., Phiet L. T., Thai T.H, Niêm, L. D. (2022), “Training, technology upgrading, and total factor productivity improvement of farms: A case of cassava (*Manihot esculenta* Crantz) production in Dak Lak province, Vietnam”, *Cogent Economics & Finance*, 10(1), 2023270.
7. Hoa A. X., **Quyên N. D.**, Truc N. T., Phiet L. T., Vuong V. T. (2023), “Enhancing smallholders' sustainable livelihoods through cassava value chain: a study in Central Highlands, Vietnam”, *Journal of Global Innovations in Agricultural Sciences*, 11(4), 561-569.

II. Bài báo hội thảo Quốc tế

8. **Nguyen Duc Quyên**, Le Duc Niêm, Vu Trinh Vuong, Do Thi Bong (2022), “Diversification of farming households' livelihood and income: A case study of Dak Lak province”, *The fourth international conference on business, Economics & Finance*, Hue University Publishing House, ISBN: 978-604-337-731-6, 462-485.
9. **Nguyen Duc Quyên**, Vo Xuan Hoi, Do Thi Bong, Do Thi Thanh Xuan (2022), “Research overview on household income diversification”, *Proceedings of the third international conference in business, economics & finance*, Can Tho University Publishing House, ISBN: 978-604-965-832-7, 419-431.
10. **Nguyen Duc Quyên**, Vo Xuan Hoi, Do Thi Bong, Do Thi Thanh Xuan (2021), “Factors affecting households' income: A case study of Lak district, Dak Lak province”, *Proceedings of the second international conference in business, economics & finance*, Can Tho University Publishing House, ISBN: 978-604-965-469-5, 397-406.

III. Đề tài cơ sở đã nghiệm thu

11. **Nguyễn Đức Quyền** (Chủ nhiệm) (2022), “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”, đề tài cơ sở Trường đại học Tây Nguyên.